

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Thị Ngọc Bích
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

.....

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Ngọc Bích
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

.....

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Ngọc Bích

Mã sinh viên: 1412751103

Lớp: QT1805K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH
Thương mại VIC

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.
 - Phân tích thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại VIC
 - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại VIC
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại VIC, sử dụng số liệu năm 2017.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:
 - Công ty TNHH Thương mại VIC
 - Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm , Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại VIC.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày ... tháng năm 201...

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 201...

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Ngọc Bích

Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: *Nguyễn Văn Thụ*
Đơn vị công tác: *Khoa Quản trị kinh doanh*
Họ và tên sinh viên: *Nguyễn Thị Ngọc Bích* Chuyên ngành: *Kế toán - Kiểm toán*
Đề tài tốt nghiệp: *Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại VIC*
Nội dung hướng dẫn: Hệ thống lý luận, nghiên cứu thực tế tại đơn vị từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại VIC

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giao

2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Bài viết của sinh viên *Nguyễn Thị Ngọc Bích* đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Trong chương này, tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này, tác giả đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2017). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Trong chương này, tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2018

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ths. Nguyễn Văn Thụ

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.....	2
1.1 Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1 Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định.....	2
1.1.1.1 Khái niệm và đặc điểm tài sản cố định.....	2
1.1.1.2 Tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định.....	3
1.1.2 Phân loại và đánh giá tài sản cố định	4
1.1.2.1 Phân loại tài sản cố định	4
1.1.2.2 Đánh giá giá trị tài sản cố định	7
1.1.3 Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp ..	14
1.1.3.1 Nguyên tắc quản lý tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	14
1.1.3.2 Nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định	15
1.2 Nội dung công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	15
1.2.1 Kế toán chi tiết tài sản cố định trong doanh nghiệp	15
1.2.2 Kế toán tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định trong doanh nghiệp	16
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng.....	16
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng.....	17
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán tài sản cố định.....	18
1.2.3 Kế toán khấu hao tài sản cố định.....	20
1.2.3.1 Nguyên tắc khấu hao tài sản cố định.....	20
1.2.3.2 Xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định.....	21
1.2.3.4. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	25
1.2.3.5. Phương pháp hạch toán.....	26
1.2.4 Kế toán sửa chữa tài sản cố định.....	26
1.2.4.1. Kế toán sửa chữa lớn tài sản cố định.....	27
1.2.4.2. Kế toán sửa chữa thường xuyên tài sản cố định.....	28
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	29
1.3.1. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật ký chung	30
1.3.2. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật ký – Sổ cái	30
1.3.3. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật ký – Chứng từ:....	31
1.3.4 Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Chứng từ ghi sổ	32

1.3.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	33
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC	35
2.1. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty TNHH Thương mại VIC	35
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.	35
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	36
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty	38
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH Thương mại VIC ..	40
2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty	40
2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.	41
2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.....	41
2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.	43
2.2 Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại VIC. ..	43
2.2.1 Phân loại và đánh giá giá trị tài sản cố định tại công ty.....	43
2.2.2 Kế toán chi tiết tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại VIC	44
2.2.3 Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH Thương mại VIC.....	52
2.2.4. Kế toán khấu hao tài sản cố định	60
2.2.5 Kế toán sửa chữa tài sản cố định	65
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC.....	72
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty.....	72
3.1.1 Ưu điểm.....	72
3.1.2 Hạn chế.....	74
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại VIC.....	75
3.2.1. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty	75
3.2.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại VIC.....	76
KẾT LUẬN	82
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	83

LỜI NÓI ĐẦU

Đối với ngành sản xuất, kế toán tài sản cố định là một khâu quan trọng trong bộ phận kế toán. Nó cung cấp toàn bộ nguồn số liệu đáng tin cậy về tình hình TSCĐ hiện có của công ty và tình hình tăng giảm kế toán tài sản cố định.... Từ đó tăng cường biện pháp kiểm tra, quản lý chặt chẽ các kế toán tài sản cố định của công ty. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán kế toán tài sản cố định luôn là sự quan tâm của các doanh nghiệp, cũng như các nhà quản lý kinh tế.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại VIC, xuất phát từ ý nghĩa thực tiễn và cơ sở lý luận của công tác kế toán tài sản cố định, cùng với những kiến thức đã được các thầy, cô giáo trang bị cho em trong khoá học đặc biệt là sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy giáo Ths.Nguyễn Văn Thụ và các cô chú Phòng Kế toán Công ty đã giúp em thấy rõ được vai trò của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp. Từ đó em đi sâu nghiên cứu tìm hiểu và mạnh dạn chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại VIC”***

Nội dung của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại VIC

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại VIC

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Thương mại VIC mặc dù đã cố gắng hết sức, song do vốn hiểu biết còn hạn chế, thời gian tìm hiểu và học tập không dài, vì vậy khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự góp ý của thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định

1.1.1.1 Khái niệm và đặc điểm tài sản cố định

Để doanh nghiệp có thể tiến hành hoạt động sản xuất, các doanh nghiệp cần phải có các yếu tố như: tư liệu lao động, đối tượng lao động, sức lao động. Tư liệu lao động phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp, chúng không những khác nhau về giá trị, giá trị sử dụng mà còn khác nhau về thời gian hoạt động. Để thuận lợi cho việc quản lý, bảo tồn và phát triển đối với tư liệu lao động có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài như: nhà cửa, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị... được xếp thành một nhóm riêng gọi là tài sản cố định.

Tài sản cố định là các tư liệu lao động chủ yếu như nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải,... có hình thái cụ thể, đa dạng về kiểu dáng, phong phú về chủng loại, người ta có thể định dạng mô tả chúng, và còn có các tài sản không có hình thái hiện vật nhưng cũng tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh như quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính,... Tuy nhiên không phải mọi tư liệu lao động đều là tài sản cố định mà chỉ có những tài sản thoả mãn các điều kiện của chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính kế toán của nhà nước quy định phù hợp trong từng thời kỳ. Tài sản cố định có những đặc điểm như sau:

- Tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh mà không thay đổi hình thái vật chất ban đầu.

- Giá trị sử dụng và giá trị tài sản cố định bị giảm dần khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh do sự hao mòn và giá trị hao mòn được chuyển dịch từng phần vào giá trị sản phẩm sản xuất ra.

- Đối với tài sản cố định vô hình, khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh cũng bị hao mòn do tiến bộ khoa học kỹ thuật và do hạn chế về pháp luật.

Giá trị của tài sản cố định vô hình cũng được dịch chuyển dần từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.1.2 Tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC về “*Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định*”:

+ Tiêu chuẩn đối với tài sản cố định hữu hình:

Những tài sản hữu hình có kết cấu độc lập, hoặc nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau thành một hệ thống để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được, nếu thoả mãn đồng thời cả bốn tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là tài sản cố định:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy;
- Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;
- Có giá trị theo quy định hiện hành (hiện nay là từ 30.000.000đồng trở lên).

Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản cố định đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản và mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thoả mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định thì được coi là một tài sản cố định hữu hình độc lập.

Đối với súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm, nếu từng con súc vật thoả mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định đều được coi là một tài sản cố định hữu hình.

Đối với vườn cây lâu năm, nếu từng mảnh vườn cây, hoặc cây thoả mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định thì cũng được coi là một tài sản cố định hữu hình.

+ Tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định vô hình:

Mọi khoản chi phí thực tế mà doanh nghiệp chi ra thỏa mãn đồng thời cả bốn tiêu chuẩn về tài sản cố định, mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được gọi là tài sản cố định vô hình.

1.1.2 Phân loại và đánh giá tài sản cố định

1.1.2.1 Phân loại tài sản cố định

Do tài sản cố định trong doanh nghiệp có nhiều loại với nhiều hình thái biểu hiện, tính chất đầu tư, công dụng và tình hình sử dụng khác nhau...nên để thuận lợi cho việc quản lý và hạch toán tài sản cố định cần sắp xếp tài sản cố định vào từng nhóm theo từng đặc trưng nhất định. Sự sắp xếp này tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác tối đa công dụng của tài sản cố định và phục vụ tốt cho công tác thống kê tài sản cố định.

Tài sản cố định có thể được phân theo nhiều tiêu thức khác nhau, như theo hình thái biểu hiện, theo nguồn hình thành, theo công dụng và tình hình sử dụng... Mỗi một cách phân loại sẽ đáp ứng được những nhu cầu quản lý nhất định cụ thể.

- **Phân loại tài sản cố định theo hình thái biểu hiện**

Căn cứ vào hình thái biểu hiện thì tài sản cố định trong doanh nghiệp được phân thành 2 loại: tài sản cố định mang hình thái vật chất (hay tài sản cố định hữu hình) và tài sản cố định không có hình thái vật chất (hay tài sản cố định vô hình).

❖ **Tài sản cố định hữu hình:** Là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất cụ thể, có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu. Thuộc về loại này gồm có:

- *Nhà cửa, vật kiến trúc:* Là tài sản cố định được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, sân bãi, cầu cống...

- *Máy móc, thiết bị động lực:* Là toàn bộ máy móc, thiết bị trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác...

- *Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn*: là những phương tiện vận tải như các loại đầu máy, đường ống và các phương tiện khác như ô tô, máy kéo, xe tải...

- *Thiết bị, dụng cụ quản lý*: gồm các thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như các dụng cụ đo lường, máy tính, máy điều hoà...

- *Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm*: gồm các loại cây lâu năm (cà phê, chè, cao su,...), súc vật làm việc (voi, bò, ngựa cày kéo...) và các súc vật nuôi để lấy sản phẩm (bò sữa, súc vật sinh sản...).

- *Tài sản cố định hữu hình khác*: Bao gồm những tài sản cố định mà chưa được quy định phản ánh vào các loại nói trên (tác phẩm nghệ thuật, sách chuyên môn kỹ thuật...)

Tài sản cố định vô hình: Là những tài sản cố định không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Thuộc về tài sản cố định vô hình gồm có:

- *Quyền sử dụng đất*: Chỉ phản ánh vào tài khoản này quyền sử dụng đất được coi là tài sản cố định vô hình theo quy định của pháp luật. Giá trị tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất gồm toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra liên quan trực tiếp tới quyền sử dụng đất, như: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng (trường hợp quyền sử dụng đất riêng biệt đối với giai đoạn đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc trên đất), lệ phí trước bạ (nếu có)... Tài khoản này không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất.

- *Quyền phát hành*: Phản ánh giá trị tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có quyền phát hành.

- *Bản quyền, bằng sáng chế*: Phản ánh giá trị tài sản cố định vô hình là các chi phí thực tế chi ra để có bản quyền tác giả, bằng sáng chế.

- *Nhãn hiệu, tên thương mại*: Phản ánh giá trị tài sản cố định vô hình là các chi phí thực tế liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hoá.

- *Phần mềm máy vi tính*: Phản ánh giá trị tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có chương trình phần mềm.

- *Giấy phép và giấy phép nhượng quyền*: Phản ánh giá trị tài sản cố định vô hình là các khoản chi ra để doanh nghiệp có được giấy phép hoặc giấy phép nhượng quyền thực hiện công việc đó, như: Giấy phép khai thác, giấy phép sản xuất loại sản phẩm mới,...

- *Tài sản cố định vô hình khác*: Phản ánh giá trị các loại tài sản cố định vô hình khác chưa quy định phản ánh ở các tài khoản trên.

Việc phân loại tài sản cố định theo tiêu thức này tạo điều kiện thuận lợi cho người tổ chức hạch toán tài sản cố định, sử dụng tài khoản kế toán một cách phù hợp và khai thác triệt để tính năng kỹ thuật của tài sản cố định.

• ***Phân loại tài sản cố định theo nguồn hình thành***

Theo cách phân loại này, tài sản cố định được phân chia thành 2 loại cơ bản là tài sản cố định tự có và tài sản cố định thuê ngoài.

* ***Tài sản cố định tự có***: Là những tài sản cố định xây dựng, mua sắm, hoặc chế tạo bằng nguồn vốn của doanh nghiệp, do ngân sách Nhà nước cấp, do đi vay của ngân hàng, bằng nguồn vốn tự bổ sung, nguồn vốn liên doanh...

* ***Tài sản cố định đi thuê*** :

Tài sản cố định đi thuê gồm 2 loại sau:

- *Tài sản cố định thuê hoạt động*: là những tài sản cố định doanh nghiệp đi thuê của các đơn vị khác để sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định theo hợp đồng kí kết.

- *Tài sản cố định thuê tài chính*: Là những tài sản cố định doanh nghiệp thuê của công ty cho thuê tài chính, nếu hợp đồng thuê thoả mãn ít nhất 1 trong 4 điều sau:

+ Khi kết thúc thời hạn cho thuê hợp đồng, bên thuê được nhận quyền sở hữu tài sản thuê hoặc được tiếp tục thuê theo sự thoả thuận.

+ Thời hạn thuê một tài sản ít nhất phải chiếm phần lớn thời gian hữu dụng của tài sản.

+ Tổng số tiền thuê tài sản phải trả ít nhất phải tương đương với giá trị tài sản đó trên thị trường vào thời điểm kí hợp đồng.

+ Khi kết thúc thời hạn thuê bên thuê được quyền lựa chọn mua tài sản thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản thuê tại thời điểm hiện mua lại.

Việc phân loại tài sản cố định theo tiêu thức này phản ánh chính xác tỷ trọng tài sản cố định thuộc sở hữu của doanh nghiệp và tỷ trọng tài sản cố định thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp đến những đối tượng quan tâm. Bên cạnh đó cũng xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp đối với từng loại tài sản cố định.

- ***Phân loại tài sản cố định theo công dụng kinh tế***

Theo tiêu thức này, tài sản cố định được phân chia thành 4 loại cơ bản sau:

- *Tài sản cố định dùng trong sản xuất kinh doanh*: Là những tài sản cố định đang thực tế sử dụng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những tài sản cố định này bắt buộc phải trích khấu hao tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- *Tài sản cố định bảo quản hộ, cất giữ hộ Nhà nước*: Bao gồm những tài sản cố định doanh nghiệp bảo quản hộ, giữ hộ cho đơn vị khác hoặc cất hộ Nhà nước theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- *Tài sản cố định chờ xử lý*: Bao gồm các tài sản cố định không cần dùng, chưa cần dùng vì thừa so với nhu cầu sử dụng hoặc không thích hợp với sự đổi mới quy trình công nghệ, bị hư hỏng chờ thanh lý, tài sản cố định tranh chấp chờ giải quyết, những tài sản cố định này cần xử lý nhanh chóng để thu hồi vốn sử dụng cho việc đầu tư đổi mới tài sản cố định.

- *Tài sản cố định dùng cho mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh, quốc phòng*: Là những tài sản cố định do doanh nghiệp quản lý sử dụng cho các hoạt động phúc lợi, sự nghiệp, an ninh quốc phòng trong doanh nghiệp.

1.1.2.2 Đánh giá giá trị tài sản cố định

Việc đánh giá tài sản cố định trong doanh nghiệp là vô cùng quan trọng vì nó là cơ sở để hạch toán tài sản cố định, tính và phân bổ khấu hao một cách

chính xác. Đánh giá tài sản cố định là việc xác định giá trị ghi sổ của tài sản cố định. Tài sản cố định được đánh giá theo các chỉ tiêu: nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại của tài sản cố định.

a) Nguyên giá:

Nguyên giá của tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản đó và đưa tài sản cố định đó vào tư thế sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định được xác định theo nguyên tắc giá phí, nghĩa là nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến việc mua hoặc xây dựng, chế tạo tài sản cố định kể cả chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử và các chi phí hợp lý cần thiết khác trước khi sử dụng tài sản.

Nguyên giá tài sản cố định được xác định cho từng đối tượng ghi tài sản cố định là từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một số chức năng nhất định.

❖ Với tài sản cố định hữu hình:

- Nguyên giá tài sản cố định do mua sắm:

+ *Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm gồm:* Giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay phát sinh trong quá trình đầu tư mua sắm tài sản cố định; chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

+ *Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua trả chậm, trả góp gồm:* Giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo kỳ hạn thanh toán. Lãi trả chậm, trả góp không được tính vào nguyên giá của tài sản cố định.

Ngoài ra, mua tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất phải xác định riêng và ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định, còn TSCĐ vô hình là nhà cửa, vật kiến trúc thì nguyên giá là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định hữu hình vào sử dụng.

- Tài sản cố định do bộ phận xây dựng cơ bản bàn giao:

Nguyên giá tài sản cố định do đầu tư xây dựng cơ bản hình thành theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành cộng (+) lệ phí trước bạ, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Trường hợp tài sản cố định do đầu tư xây dựng đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

- Tài sản cố định hữu hình tự sản xuất:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự sản xuất là giá thành thực tế sản xuất tài sản cố định và các chi phí phát sinh có liên quan đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa quyết toán thì nguyên giá tài sản cố định ghi theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình.

- Tài sản cố định hữu hình mua theo hình thức trao đổi:

Nguyên giá tài sản cố định mua theo hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản cố định đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái

sẵn sàng sử dụng, như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua theo hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đem trao đổi.

- Tài sản cố định nhận góp vốn, nhận lại vốn góp:

Nguyên giá là giá trị do các thành viên, cổ đông sáng lập định giá nhất trí, hoặc Doanh nghiệp và người góp vốn thỏa thuận, hoặc do tổ chức chuyên định giá và được các thành viên, cổ đông sáng lập chấp nhận.

- Tài sản cố định được cho, tặng, thưởng, biếu, tài trợ, do phát hiện thừa:

Nguyên giá là giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp và các phí tổn mới trước khi dùng (nếu có).

- Tài sản cố định được cấp, được điều chuyển đến:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được cấp, được điều chuyển đến bao gồm giá trị còn lại của tài sản cố định trên sổ kế toán ở đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của tổ chức định giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí thuê tổ chức định giá; chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử...

- Đối với tài sản cố định là con súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm, vườn cây lâu năm:

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra cho con súc vật, vườn cây đó từ lúc hình thành tính đến thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng.

❖ Tài sản cố định vô hình:

- Tài sản cố định vô hình do mua sắm:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua sắm là giá mua thực tế phải trả cộng các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Trường hợp

mua nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất phải được xác định riêng và ghi nhận là tài sản cố định vô hình; còn nguyên giá nhà cửa, vật kiến trúc thì ghi nhận là tài sản cố định hữu hình.

- Trường hợp tài sản cố định vô hình mua sắm được thanh toán theo phương thức trả chậm, trả góp:

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình được phản ánh theo giá mua trả ngay tại thời điểm mua (không bao gồm lãi trả chậm). Khoản chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán và giá mua trả ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo kỳ hạn thanh toán, trừ khi số chênh lệch đó được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình (được vốn hóa) theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất:

Trường hợp doanh nghiệp được giao đất có thu tiền sử dụng đất: nguyên giá tài sản cố định là quyền sử dụng đất được giao được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn. Trường hợp doanh nghiệp thuê đất thì tiền thuê đất được tính vào chi phí kinh doanh, không ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Cụ thể:

+ Nếu doanh nghiệp thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê thì được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất.

+ Nếu doanh nghiệp thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

- Tài sản cố định vô hình được cấp, biếu, tặng, hoặc điều chuyển đến:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được cấp, được biếu, được tặng là giá trị hợp lý ban đầu cộng các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến việc đưa tài sản vào sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định được điều chuyển đến là nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển. Doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển có trách nhiệm hạch toán nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại của tài sản theo quy định.

- Tài sản cố định vô hình mua dưới hình thức trao đổi:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua theo hình thức trao đổi với một tài sản cố định vô hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của tài sản cố định vô hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đem trao đổi.

- Tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ DN là toàn bộ chi phí phát sinh từ thời điểm mà tài sản vô hình đáp ứng được định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định vô hình đến khi tài sản cố định vô hình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ DN là các chi phí liên quan trực tiếp đến khâu xây dựng, sản xuất thử nghiệm phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào sử dụng theo dự tính.

Riêng các chi phí phát sinh trong nội bộ để doanh nghiệp có nhãn hiệu hàng hoá, quyền phát hành, danh sách khách hàng, chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu và các khoản mục tương tự không đáp ứng được tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định vô hình được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- Tài sản cố định vô hình là nhãn hiệu hàng hóa:

Nguyên giá là các chi phí thực tế trực tiếp liên quan tới việc mua nhãn hiệu hàng hoá.

- Tài sản cố định là các chương trình phần mềm:

Nguyên giá được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần

mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- Tài sản cố định vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ:

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có được quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

❖ Với tài sản cố định thuê tài chính:

Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê là giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản cộng (+) với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

b) Giá trị hao mòn:

Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định bị hao mòn dần về giá trị và giá trị sử dụng. Giá trị hao mòn này được dịch chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dưới hình thức khấu hao nhằm mục đích thu hồi lại vốn đầu tư trong một thời gian nhất định để tái sản xuất. Tài sản cố định bị hao mòn dưới hai hình thức:

- Hao mòn hữu hình: Là sự giảm sút về giá trị và giá trị sử dụng của tài sản cố định do tham gia vào sản xuất kinh doanh và do các nguyên nhân tự nhiên.

- Hao mòn vô hình: Là sự giảm sút thuần túy về giá trị của tài sản cố định do nguyên nhân tiến bộ khoa học kỹ thuật gây ra.

c) Giá trị còn lại:

Trong quá trình sử dụng tài sản cố định, giá trị của nó bị hao mòn dần và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, do đó giá trị của tài sản cố định sẽ bị giảm dần. Vì vậy, yêu cầu quản lý và sử dụng đặt ra là cần xác định giá trị còn lại của tài sản cố định để từ đó đánh giá được năng lực sản xuất thực của tài sản cố định trong doanh nghiệp.

Giá trị còn lại = Nguyên giá TSCĐ – Hao mòn lũy kế

Thông thường giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại được điều chỉnh theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của TSCĐ} \\ \text{sau khi đánh giá lại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại} \\ \text{TSCĐ trước} \\ \text{khi đánh giá} \\ \text{lại} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{NG TSCĐ sau khi đánh} \\ \text{giá lại} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{NG TSCĐ trước khi} \\ \text{đánh giá lại} \end{array}}$$

Đánh giá tài sản cố định theo giá trị còn lại giúp doanh nghiệp xác định được số vốn chưa thu hồi của tài sản cố định, biết được hiện trạng của tài sản cố định là cũ hay mới để có phương hướng đầu tư và có biện pháp để bảo toàn được vốn cố định.

1.1.3 Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.1.3.1 Nguyên tắc quản lý tài sản cố định trong doanh nghiệp

Những nguyên tắc quản lý tài sản cố định trong danh nghiệp theo Điều 5 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính:

+ Mọi tài sản cố định trong doanh nghiệp phải có bộ hồ sơ riêng. Mỗi tài sản cố định phải được phân loại, đánh số và có thẻ riêng, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi tài sản cố định và được phản ánh trong sổ theo dõi tài sản cố định.

+ Mỗi tài sản cố định phải được quản lý theo nguyên giá, số hao mòn lũy kế và giá trị còn lại trên sổ sách kế toán:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại trên sổ} \\ \text{kế toán của TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá của tài} \\ \text{sản cố định} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số hao mòn lũy} \\ \text{kế của TSCĐ} \end{array}$$

+ Đối với những tài sản cố định không cần dùng, chờ thanh lý nhưng chưa hết khấu hao, doanh nghiệp phải thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản theo quy định hiện hành và trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 200.

+ Doanh nghiệp phải thực hiện việc quản lý đối với những tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn tham gia vào HĐKD như những tài sản cố định thông thường.

1.1.3.2 Nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định

Công tác kế toán tài sản cố định giúp doanh nghiệp có thể nắm chắc tình hình tăng giảm tài sản cố định về số lượng, giá trị, tình hình sử dụng và hao mòn tài sản cố định. Từ đó đưa ra phương thức quản lý và sử dụng hợp lý công suất của tài sản cố định, góp phần phát triển sản xuất, thu hồi nhanh vốn đầu tư để tái sản xuất và tạo ra sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thương trường. Với vai trò to lớn đó, kế toán tài sản cố định phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ số hiện có và hình hình tăng, giảm tài sản cố định của toàn doanh nghiệp cũng như của từng bộ phận trên các mặt số lượng, cơ cấu, giá trị, đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng tài sản cố định ở các bộ phận khác nhau nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản cố định.

- Tính toán chính xác, kịp thời số khấu hao tài sản cố định, đồng thời phân bổ đúng đắn chi phí khấu hao vào các đối tượng sử dụng tài sản cố định.

- Phản ánh và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí sửa chữa tài sản cố định. Tham gia lập dự toán về chi phí sửa chữa và đơn đốc đưa tài sản cố định được sửa chữa vào sử dụng một cách nhanh chóng.

- Theo dõi, ghi chép, kiểm tra chặt chẽ quá trình thanh lý, nhượng bán tài sản cố định nhằm bảo đảm việc quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích.

- Lập các báo cáo về tài sản cố định, tham gia phân tích tình hình trang bị, sử dụng, bảo quản các tài sản cố định.

1.2 Nội dung công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.2.1 Kế toán chi tiết tài sản cố định trong doanh nghiệp

Kế toán chi tiết tài sản cố định được thực hiện cho từng tài sản cố định, từng nhóm tài sản cố định theo nơi sử dụng tài sản cố định. Yêu cầu quản lý tài sản cố định của doanh nghiệp đòi hỏi phải có kế toán chi tiết tài sản cố định. Đây là khâu quan trọng và phức tạp nhất trong toàn bộ công tác kế toán tài sản cố định. Thông qua kế toán chi tiết tài sản cố định, kế toán sẽ cũng cấp những chỉ tiêu quan trọng về cơ cấu tài sản cố định, tình hình phân bổ tài sản cố định

theo địa điểm sử dụng cũng như tình hình bảo quản và sử dụng tài sản cố định. Phân bổ chính xác tài sản cố định, nâng cao trách nhiệm vật chất trong bảo quản và sử dụng tài sản cố định. Nội dung chính của kế toán chi tiết tài sản cố định bao gồm:

- Lập và thu thập các chứng từ ban đầu liên quan đến tài sản cố định trong doanh nghiệp: Hóa đơn GTGT, Biên bản giao nhận tài sản cố định, Biên bản thanh lý tài sản cố định, Biên bản đánh giá lại tài sản cố định,...

- Tổ chức kế toán chi tiết tài sản cố định ở bộ phận kế toán: Kế toán chi tiết tài sản cố định được thực hiện ở thẻ tài sản cố định. Thẻ tài sản cố định do phòng kế toán lập khi tài sản cố định bắt đầu xuất hiện tại doanh nghiệp. Thẻ được lập cho từng loại tài sản cố định và được lưu ở phòng kế toán. Căn cứ lập thẻ tài sản cố định gồm: bộ hồ sơ tài sản cố định, biên bản giao nhận tài sản cố định, biên bản đánh giá lại tài sản cố định, biên bản thanh lý tài sản cố định,...

- Tổ chức kế toán chi tiết tài sản cố định ở các đơn vị, bộ phận quản lý sử dụng: Để theo dõi địa điểm đặt tài sản cố định, tình hình tăng giảm tài sản cố định do từng đơn vị, bộ phận phân xưởng hoặc phòng ban mỗi đơn vị sử dụng phải mở một sổ riêng – Sổ tài sản cố định trong đó ghi tài sản cố định tăng, giảm của đơn vị mình theo từng chứng từ, tăng, giảm tài sản cố định theo trình tự thời gian phát sinh ngược. Căn cứ để ghi sổ là các chứng từ tăng, giảm tài sản cố định.

1.2.2 Kế toán tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

Những chứng từ mà doanh nghiệp sử dụng trong hạch toán TSCĐ gồm:

- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ
- Các chứng từ liên quan khác:
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- + Các hợp đồng, hóa đơn mua- bán, các chứng từ, tài liệu kỹ thuật có liên quan khác, các hồ sơ đầu tư TSCĐ (nếu có)...

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

a) Tài khoản 211: “TSCĐ hữu hình”

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm toàn bộ TSCĐ của doanh nghiệp theo nguyên giá,

- *Kết cấu của TK 211*

Bên Nợ:

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tăng do XDCB hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, do mua sắm, do nhận vốn góp liên doanh, do được cấp, được biếu tặng,...
- Điều chỉnh tăng nguyên giá của TSCĐ do xây lắp, trang bị thêm hoặc do cải tạo nâng cấp,...
- Điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại.

Bên có:

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình giảm do điều chuyển cho đơn vị khác, do nhượng bán, thanh lý,...
- Nguyên giá TSCĐ giảm do tháo bớt một hoặc một số bộ phận;
- Điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại.

Số dư bên Nợ: Nguyên giá TSCĐ hữu hình hiện có ở doanh nghiệp.

- *TK 211 chi tiết thành 6 tiểu khoản:*

- *Tài khoản 2111 - Nhà cửa, vật kiến trúc*
- *Tài khoản 2112 - Máy móc thiết bị*
- *Tài khoản 2113 - Phương tiện vận tải, truyền dẫn*
- *Tài khoản 2114 - Thiết bị, dụng cụ quản lý*
- *Tài khoản 2115 - Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm*
- *Tài khoản 2118 - TSCĐ khác*

b) Tài khoản 212: “TSCĐ thuê tài chính”

Tài khoản dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của toàn bộ TSCĐ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Không phản ánh vào tài khoản này giá trị của TSCĐ thuê hoạt động.

Tài khoản 212 được mở chi tiết để theo dõi từng loại, từng TSCĐ thuê.

* *Kết cấu của TK 212:*

Bên Nợ: Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính tăng.

Bên Có: Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính giảm do điều chuyển trả lại cho bên cho thuê khi hết hạn hợp đồng hoặc mua lại thành TSCĐ của doanh nghiệp.

Số dư bên Nợ: Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính hiện có.

c) **Tài khoản 213: “TSCĐ vô hình”**

Bên Nợ: Nguyên giá TSCĐ vô hình tăng.

Bên Có: Nguyên giá TSCĐ vô hình giảm.

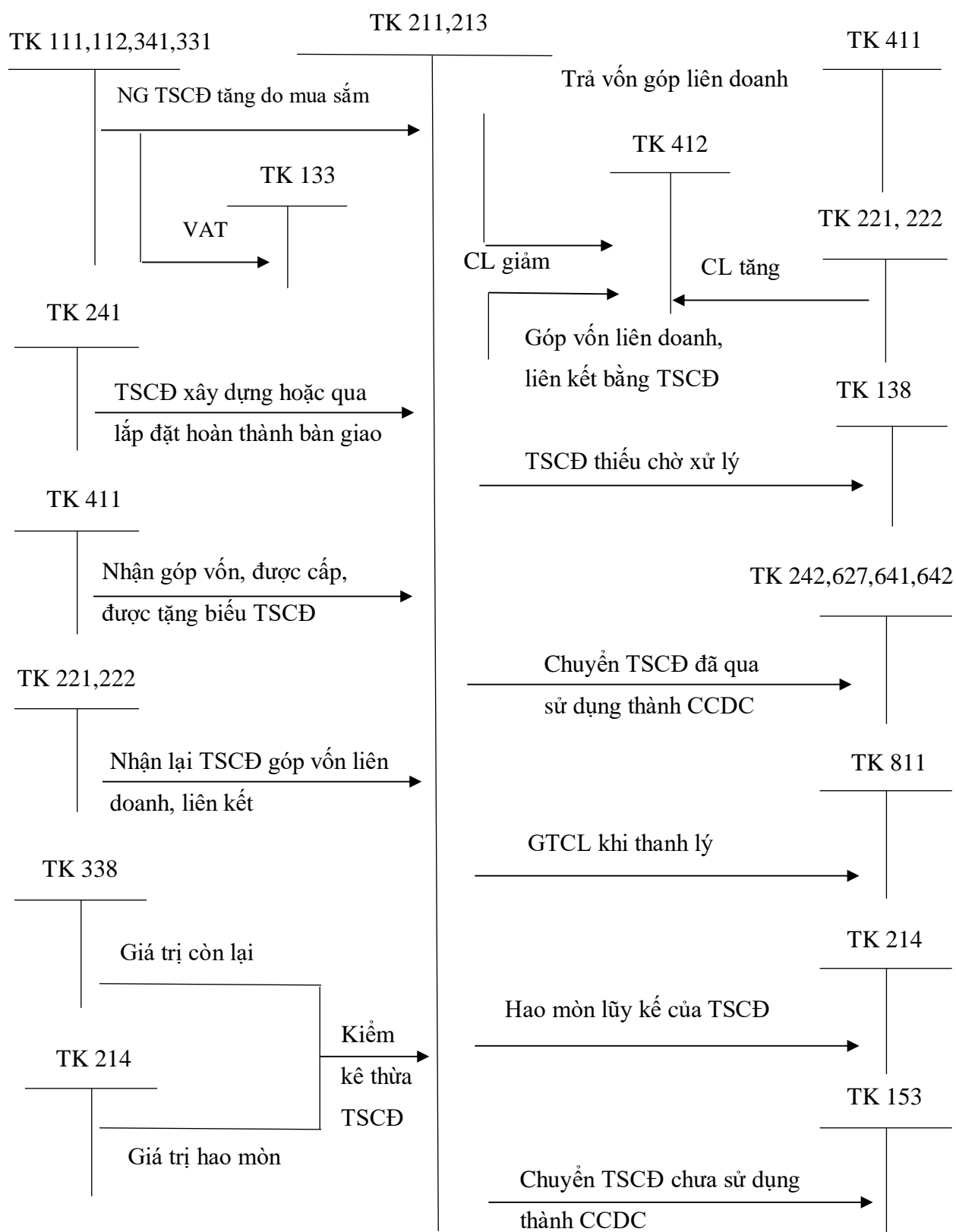
Số dư bên Nợ: Nguyên giá TSCĐ vô hình hiện có ở doanh nghiệp.

* *TK chi tiết thành 7 tiểu khoản sau:*

- Tài khoản 2131 - Quyền sử dụng đất
- Tài khoản 2132 - Quyền phát hành
- Tài khoản 2133 - Bản quyền, bằng sáng chế
- Tài khoản 2134 - Nhãn hiệu, tên thương mại
- Tài khoản 2135 - Chương trình phần mềm
- Tài khoản 2136 - Giấy phép và giấy phép nhượng quyền
- Tài khoản 2138 - TSCĐ vô hình khác

1.2.2.3 *Phương pháp hạch toán tài sản cố định*

Phương pháp hạch toán tăng, giảm TSCĐ hữu hình, vô hình được khái quát qua sơ đồ sau:



1.2.3 Kế toán khấu hao tài sản cố định

1.2.3.1 Nguyên tắc khấu hao tài sản cố định

- Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại tài sản cố định và bất động sản đầu tư (BĐSDT) trong quá trình sử dụng do trích khấu hao tài sản cố định, BĐSĐT và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của tài sản cố định, BĐSĐT.

- Về nguyên tắc, mọi tài sản cố định, BĐSĐT dùng để cho thuê của doanh nghiệp có liên quan đến sản xuất, kinh doanh (gồm cả tài sản chưa dùng, không cần dùng, chờ thanh lý) đều phải trích khấu hao theo quy định hiện hành.

- Căn cứ vào quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp để lựa chọn 1 trong các phương pháp tính, trích khấu hao theo quy định của pháp luật phù hợp cho từng tài sản cố định, BĐSĐT nhằm kích thích sự phát triển sản xuất, kinh doanh, đảm bảo việc thu hồi vốn nhanh, đầy đủ và phù hợp với khả năng trang trải chi phí của doanh nghiệp.

- Phương pháp khấu hao được áp dụng cho từng tài sản cố định, BĐSĐT phải được thực hiện nhất quán và có thể được thay đổi khi có sự thay đổi đáng kể cách thức thu hồi lợi ích kinh tế của tài sản cố định và BĐSĐT.

- Đối với các tài sản cố định đã khấu hao hết (đã thu hồi đủ vốn), nhưng vẫn còn sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh thì không được tiếp tục trích khấu hao.

- Đối với tài sản cố định vô hình, phải tùy thời gian phát huy hiệu quả để trích khấu hao tính từ khi tài sản cố định được đưa vào sử dụng (theo hợp đồng, cam kết hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền).

- Thời gian khấu hao và phương pháp khấu hao tài sản cố định phải được xem xét lại ít nhất là vào cuối mỗi năm tài chính. Nếu thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản khác biệt lớn so với các ước tính trước đó thì thời gian khấu hao phải được thay đổi tương ứng.

- Đối với tài sản cố định thuê tài chính, trong quá trình sử dụng bên đi thuê phải trích khấu hao trong thời gian thuê theo hợp đồng tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

- Riêng đối với tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất xác định được thời hạn sử dụng. Nếu không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

1.2.3.2 Xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định

❖ Đối với tài sản cố định hữu hình:

- Đối với tài sản cố định còn mới (chưa qua sử dụng), doanh nghiệp phải căn cứ vào khung thời gian sử dụng tài sản cố định được quy định tại *Phụ lục I Thông tư số 200/2014/TT-BTC* để xác định thời gian sử dụng của tài sản cố định.

- Đối với tài sản cố định đã qua sử dụng, thời gian sử dụng của tài sản cố định được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thời gian} \\ \text{trích khấu hao} \\ \text{của TSCĐ} \end{array} = \frac{\text{Giá trị hợp lý của TSCĐ}}{\text{Giá bán của TSCĐ cùng} \\ \text{loại mới 100\% (hoặc tương} \\ \text{đương trên thị trường)}} \times \begin{array}{l} \text{Thời gian trích khấu} \\ \text{hao của TSCĐ mới} \\ \text{cùng loại xác định} \\ \text{theo Thông tư 45} \end{array}$$

Trong đó:

Giá trị hợp lý của tài sản cố định là giá mua hoặc trao đổi thực tế (trong trường hợp mua bán, trao đổi), giá trị còn lại của TSCĐ hoặc giá trị theo đánh giá của tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá (trong trường hợp được cho, được biếu, được tặng, được cấp, được điều chuyển đến) và các trường hợp khác.

❖ Đối với TSCĐ vô hình:

Doanh nghiệp tự xác định thời gian sử dụng tài sản cố định vô hình nhưng tối đa không quá 20 năm.

Đối với tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn, thời gian sử dụng là thời hạn được phép sử dụng đất theo quy định.

Đối với tài sản cố định vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, quyền đối với giống cây trồng, thì thời gian sử dụng là thời hạn bảo hộ được ghi trên văn bằng bảo hộ theo quy định.

1.2.3.3. Các phương pháp trích khấu hao tài sản cố định

a. Phương pháp khấu hao đường thẳng

Là phương pháp khấu hao theo mức tính ổn định từng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh của từng TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh.

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng năm cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng}}$$

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng tháng cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích khấu hao cả năm}}{12 \text{ tháng}}$$

- Trường hợp nguyên giá hoặc thời gian sử dụng của TSCĐ thay đổi thì doanh nghiệp phải tính lại mức khấu hao trung bình của TSCĐ bằng cách: lấy giá trị còn lại trên sổ sách kế toán chia (:) cho thời gian trích khấu hao xác định lại hoặc thời gian trích khấu hao còn lại của TSCĐ.

- Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian trích khấu hao TSCĐ được xác định là hiệu số giữa nguyên giá TSCĐ và số khấu hao lũy kế đã thực hiện đến năm trước năm cuối cùng của TSCĐ đó.

- Xác định mức trích khấu hao đối với những tài sản cố định đưa vào sử dụng trước ngày 01/01/2013:

- Căn cứ các số liệu trên sổ kế toán, hồ sơ của tài sản cố định để xác định giá trị còn lại trên sổ kế toán của tài sản cố định.

- Xác định thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định theo công thức sau:

$$T = T_2 \left(1 - \frac{t_1}{T_1} \right)$$

Trong đó:

T: Thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định

T₁ : Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định xác định theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

T₂ : Thời gian sử dụng của tài sản cố định xác định theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

t₁: Thời gian thực tế đã trích khấu hao của tài sản cố định.

- Xác định mức trích khấu hao hàng năm (cho những năm còn lại của TSCĐ) như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng còn lại}}$$

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng tháng cho TSCĐ như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích khấu hao cả năm}}{12 \text{ tháng}}$$

b. Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh

Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh được áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực công nghệ đòi hỏi phải thay đổi, thời gian hoàn vốn nhanh.

Tài sản cố định tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) được trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh phải đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau: là tài sản cố định đầu tư mới (chưa qua sử dụng); là các loại máy móc, thiết bị, dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm.

Nội dung của phương pháp:

- Xác định thời gian khấu hao của tài sản cố định: Doanh nghiệp xác định thời gian khấu hao của TSCĐ theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.
- Xác định mức khấu hao năm của TSCĐ trong các năm đầu theo công thức:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \text{Giá trị còn lại của TSCĐ} \times \text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}$$

Trong đó:

Tỷ lệ khấu hao nhanh xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh (\%)} = \frac{\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng}}{\text{Hệ số điều chỉnh}} \times$$

Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo PP đường thẳng} = \frac{1}{\text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ}} \times 100$$

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian trích khấu hao như sau:

Thời gian trích khấu hao của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm ($t \leq 4$ năm)	1,5
Trên 4 đến 6 năm ($4 \text{ năm} < t \leq 6$ năm)	2,0
Trên 6 năm ($t > 6$ năm)	2,5

- Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

Lưu ý: Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định chia cho số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định.

c. Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm

Tài sản cố định tham gia vào SXKD được trích khấu hao theo phương pháp này là các loại máy móc thiết bị thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Trực tiếp tham gia đến việc sản xuất sản phẩm;
- Xác định được tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định;
- Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 100% công suất thiết kế.

Nội dung của phương pháp:

Tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm sau:

- Căn cứ vào hồ sơ kinh tế- kỹ thuật của tài sản cố định, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.
- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của tài sản cố định.
- Xác định mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trong tháng của} \\ \text{TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{sản xuất trong} \\ \text{tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{bình quân tính cho một} \\ \text{đơn vị sản phẩm} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao bình quân} \\ \text{tính cho một đơn vị sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

- Mức trích khấu hao năm của TSCĐ bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu} \\ \text{hao năm TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Sản lượng sản phẩm} \\ \text{sản xuất năm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao bình} \\ \text{quân 1 đơn vị sản phẩm} \end{array}$$

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của TSCĐ thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của TSCĐ.

1.2.3.4. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 214 – Hao mòn TSCĐ

Tài khoản này phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ và bất động sản (BĐS) đầu tư trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ, BĐS đầu tư và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ, BĐS đầu tư.

* **Kết cấu và nội dung phản ánh TK 214:**

Bên Nợ: Giá trị hao mòn TSCĐ, BĐS đầu tư giảm do TSCĐ, BĐS đầu tư thanh lý, nhượng bán, điều động cho đơn vị khác, góp vốn liên doanh.

Bên Có: Giá trị hao mòn TSCĐ, BĐS đầu tư tăng do trích khấu hao TSCĐ, BĐS đầu tư.

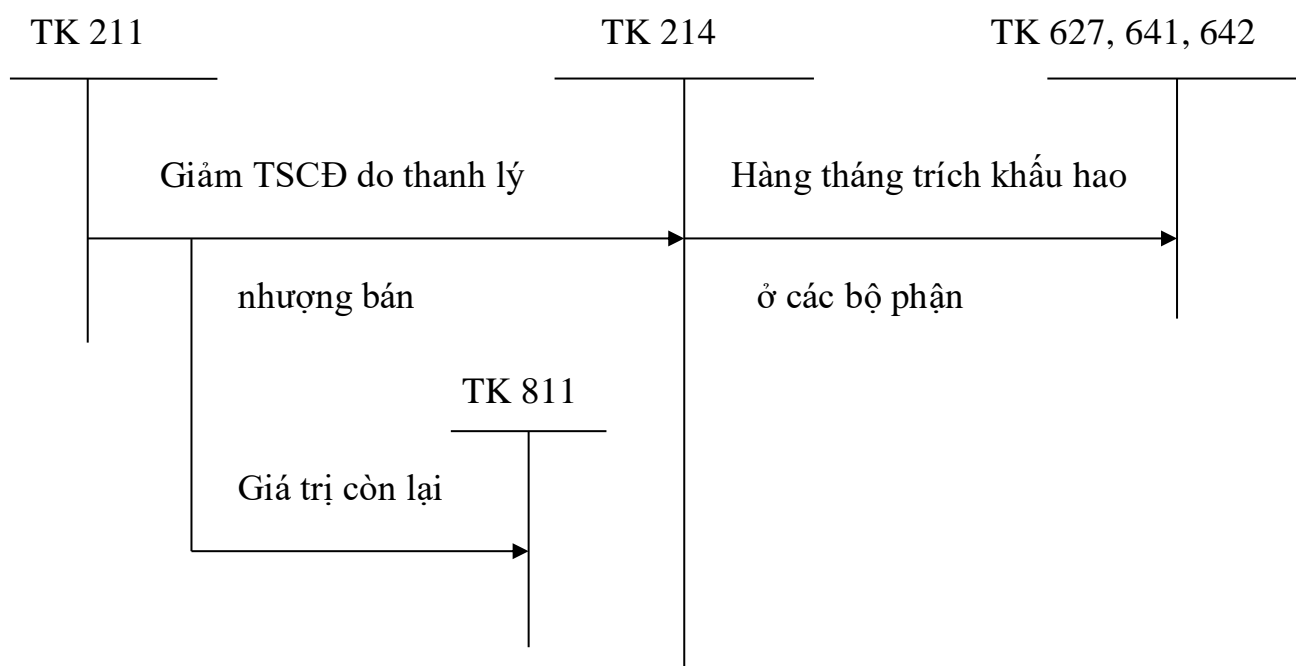
Số dư bên nợ: Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ, BĐS đầu tư hiện có ở doanh nghiệp.

* **TK 214 chi tiết thành 4 tiểu khoản:**

- Tài khoản 2141 - Hao mòn TSCĐ hữu hình
- Tài khoản 2142 - Hao mòn TSCĐ thuê tài chính
- Tài khoản 2143 - Hao mòn TSCĐ vô hình
- Tài khoản 2147 - Hao mòn BĐSĐT

1.2.3.5. Phương pháp hạch toán

Kế toán khấu hao TSCĐ được thể hiện qua sơ đồ sau:



1.2.4 Kế toán sửa chữa tài sản cố định

Sửa chữa tài sản cố định là việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định bị hỏng trong quá trình hoạt động kinh doanh nhằm khôi phục lại năng lực hoạt động bình thường của tài sản cố định đó. Cách thức tiến hành sửa chữa tài sản cố

định có thể là do doanh nghiệp tự làm hoặc do doanh nghiệp thuê ngoài. Những chi phí mà DN bỏ ra để sửa chữa tài sản cố định gọi là chi phí sửa chữa tài sản cố định.

1.2.4.1. Kế toán sửa chữa lớn tài sản cố định

Sửa chữa lớn là loại sửa chữa có các đặc điểm, mức độ hư hỏng nặng nên kỹ thuật sửa chữa phức tạp, công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự thực hiện hoặc thuê ngoài, thời gian sửa chữa kéo dài và tài sản cố định phải ngưng hoạt động, chi phí phát sinh lớn nên không thể tính hết một lần vào chi phí của đối tượng sử dụng phương pháp phân bổ thích ứng.

* **Chứng từ sử dụng:** Các chứng từ kế toán để phản ánh việc sửa chữa lớn hoàn thành là Biên bản giao nhận tài sản cố định sửa chữa lớn hoàn thành. Đây là chứng từ xác nhận việc giao nhận tài sản cố định sau khi hoàn thành việc sửa chữa lớn giữa bên có tài sản cố định và bên thực hiện việc sửa chữa.

* **Tài khoản sử dụng:** TK 241 (2413): Sửa chữa lớn tài sản cố định; TK 242: Chi phí trả trước và các tài khoản liên quan: TK 111,112,...

* **Phương pháp hạch toán:** Công tác sửa chữa lớn tài sản cố định của doanh nghiệp có thể tiến hành theo phương thức tự làm hoặc giao thầu:

- Theo phương thức tự làm:

Khi chi phí sửa chữa lớn phát sinh, căn cứ chứng từ phát sinh chi phí để hạch toán:

- + Nếu sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112, 152,...

- + Nếu sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang (tổng giá thanh toán)

Có TK 111,112,.... (tổng giá thanh toán)

Khi công trình sửa chữa lớn đã hoàn thành, kế toán phải tính giá thực tế của từng công trình sửa chữa lớn để quyết toán số chi phí này theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị nhỏ:

Nợ TK 627,641,642

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

+ Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất, kinh doanh, khi công việc sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành, tiến hành kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước hoặc chi phí phải trả về sửa chữa lớn TSCĐ:

Nợ TK 242- Chi phí trả trước

Nợ TK 335- Chi phí phải trả

Có TK 241-XDCB dở dang (2143)

+ Trường hợp sửa chữa lớn hoặc cải tạo, nâng cấp thỏa mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

• Theo phương thức giao thầu:

Khi nhận khối lượng sửa chữa lớn do bên nhận thầu bàn giao, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang (2413)

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331- Phải trả cho người bán.

1.2.4.2. Kế toán sửa chữa thường xuyên tài sản cố định

- Sửa chữa thường xuyên tài sản cố định là hình thức sửa chữa mang tính bảo dưỡng thường xuyên, có thời gian sửa chữa ngắn, chi phí sửa chữa nhỏ.

- Khối lượng công việc không nhiều, vì vậy chi phí sửa chữa phát sinh thường được tính thẳng vào chi phí SXKD trong kỳ (nếu sửa chữa cho tài sản cố định phục vụ cho hoạt động phúc lợi thì hạch toán thẳng vào TK 353).

* **Chứng từ sử dụng:** Hóa đơn GTGT sửa chữa, biên lai thu phí và các chứng từ khác liên quan như: phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, phiếu quyết toán sửa chữa chung,...

* **Tài khoản sử dụng:** Các tài khoản chi phí: TK 627, 641, 642,... và các TK liên quan: TK 133, 111, 112, 331,...

* **Phương pháp hạch toán:**

Khi phát sinh chi phí này, kế toán phản ánh ngay vào chi phí của từng bộ phận sử dụng tài khoản đó:

Nợ TK 627, 641, 642,...

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111, 112, 331,...

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

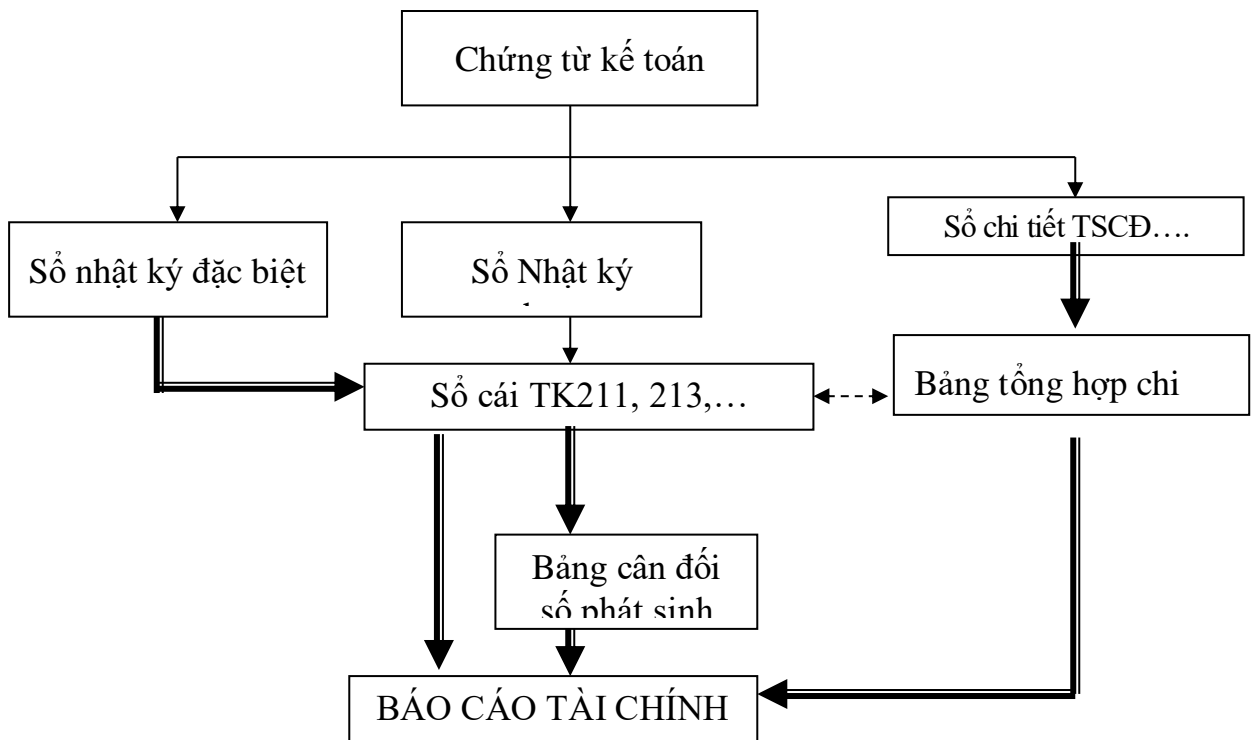
Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành, doanh nghiệp có thể tự thiết kế các chứng từ, sổ sách kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị nhưng đảm bảo cung cấp những thông tin theo quy định của Luật kế toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Nếu doanh nghiệp không tự thiết kế được thì có thể vận dụng hệ thống sổ sách theo 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức Nhật ký- Chứng từ
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Việc áp dụng hình thức kế toán này hay hình thức kế toán khác là tùy thuộc vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh và trình độ quản lý của các doanh nghiệp và quy định về đối tượng mà đơn vị kế toán lựa chọn cho phù hợp.

1.3.1. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật ký chung

Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào sổ cái. Ngoài Nhật ký chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng ghi chép.



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - > Đối chiếu

Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán TSCĐ theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.3.2. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

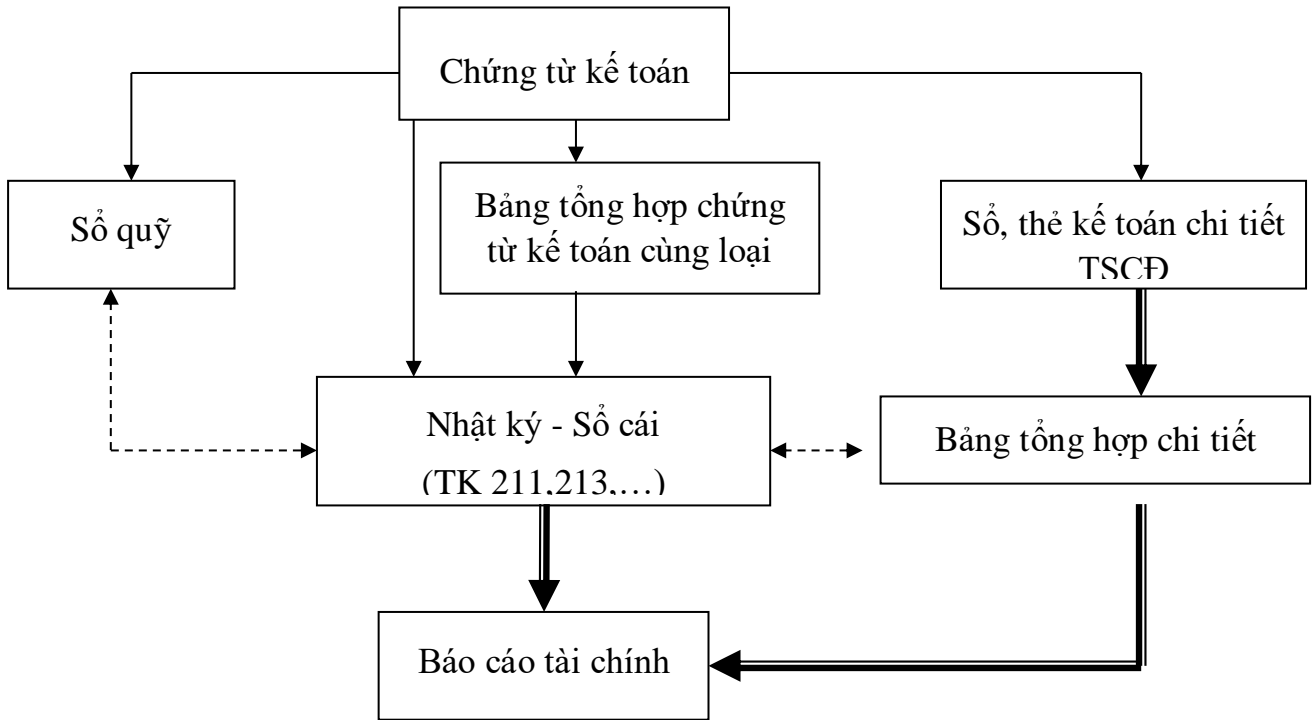
Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên

Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - - - - -> Đối chiếu

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán TSCĐ theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái

1.3.3. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật ký – Chứng từ:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ (NKCT):

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

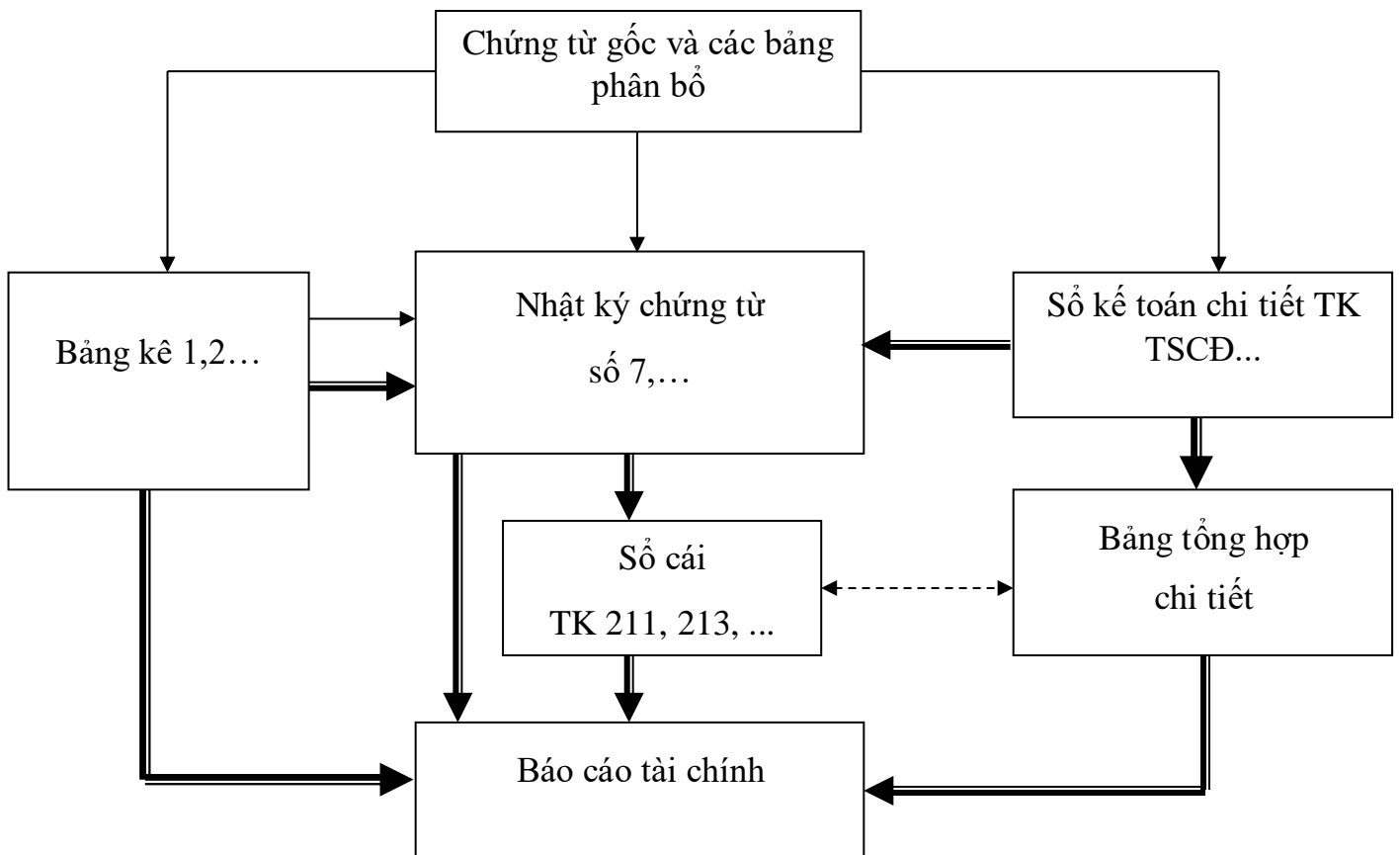
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối tượng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ; Bảng kê; Sổ cái; Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 =————=> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 <-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán TSCĐ theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

1.3.4 Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Chứng từ ghi sổ

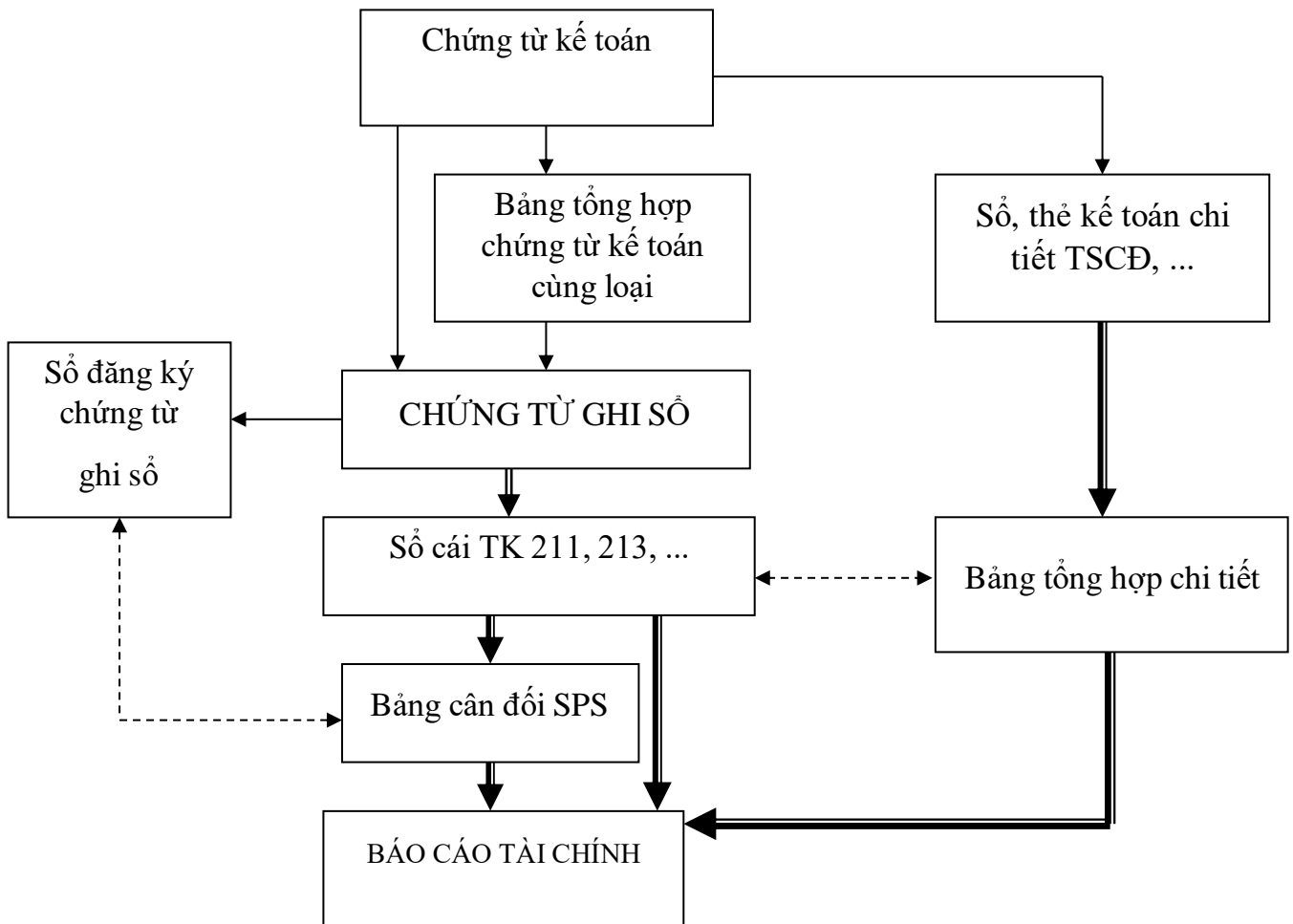
Hình thức này phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn với mọi trình độ quản lý và trình độ kế toán, phù hợp với cả kế toán thủ công và kế toán máy.

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

Chứng từ ghi sổ; Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



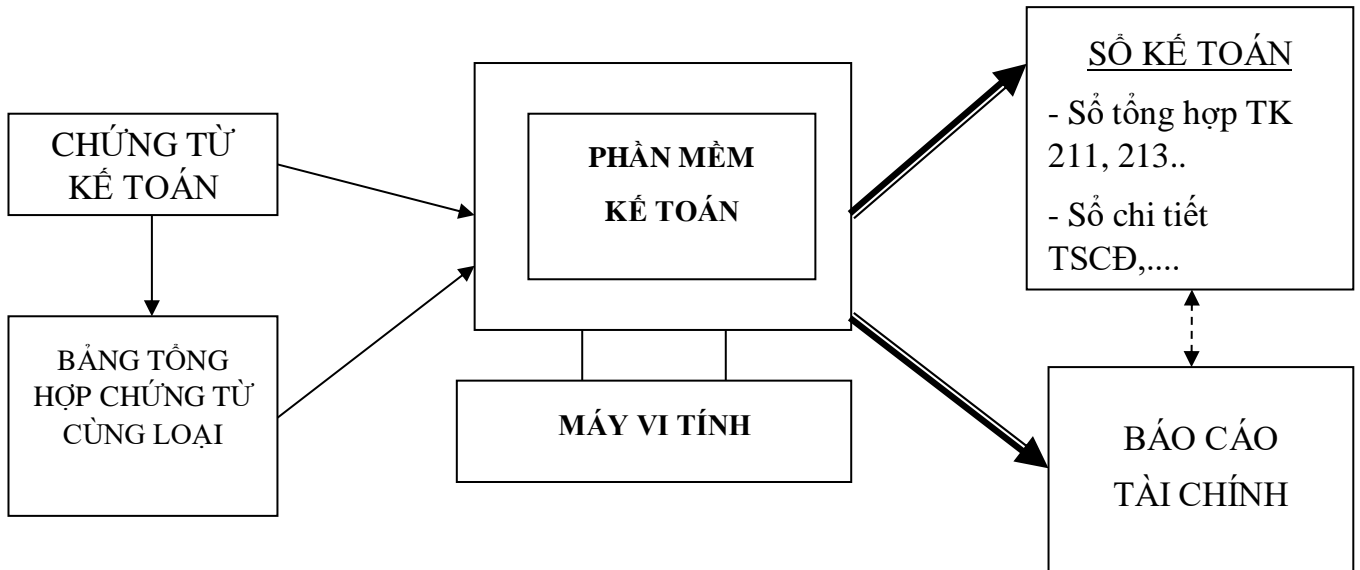
Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - - - - -> Đối chiếu

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán TSCĐ theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán

không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - <-.-.-.-> Đối chiếu

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán TSCĐ theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

2.1. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty TNHH Thương mại VIC

Giới thiệu chung.

Tên doanh nghiệp	: Công ty TNHH Thương mại VIC.
Tên tiếng anh	: VIC Trading Company Limited.
Tên viết tắt	: VIC CO.,LTD
Địa chỉ trụ sở chính	: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm , Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Số điện thoại	: 0225.3742.976
Fax	: 0225.3742978
Vốn điều lệ	: 100.000.000.000 đồng .
Số tài khoản	: 0531 0088 2310 8 tại Ngân hàng Vietcombank – Hải Phòng

c. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất thức ăn chăn nuôi mang thương hiệu **Con Heo Vàng.**

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty TNHH Thương mại VIC chính thức được thành lập ngày 27 tháng 4 năm 1999. Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0200358184 do Sở kế hoạch & đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Những ngày đầu thành lập công ty gặp nhiều khó khăn: Nhà xưởng phải đi thuê, nhân công chỉ đếm trên đầu ngón tay và số vốn kinh doanh chỉ vài chục triệu đồng. Một thương hiệu Việt Nam rất sớm được hình thành và chấp nhận sự cạnh tranh không cân sức trên thị trường. Trong một bối cảnh mà các công ty nước ngoài chiếm tới 90% thị phần và tập quán chăn nuôi chỉ quen với những thương hiệu như Con cò, Higro ...

Song với chiến lược sản xuất kinh doanh nhạy bén và đúng đắn, sự nỗ lực của Ban lãnh đạo công ty cùng với cán bộ công nhân viên, công ty đã có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng. Đặc biệt năm 2002 – đánh dấu một sự kiện đặc biệt khi công ty khánh thành nhà máy **Con heo vàng** tại Hải Phòng và chính thức đi vào hoạt động, cũng kể từ đây thương hiệu **Con heo vàng** bắt đầu ghi dấu ấn vững mạnh trên thị trường thức ăn gia súc bằng việc quan tâm đầu tư phát triển thương hiệu.

Với tốc độ tăng trưởng nhiều năm liên tục ở mức khá cao từ 150 – 200% đã tạo đà cho công ty có bước phát triển đột phá.

Tiếp theo nhà máy Hải Phòng, công ty đang tiếp tục xây dựng các nhà máy tại Nghệ An, Quy Nhơn, Đồng Tháp, hai chi nhánh tại Hà Nội, Nam Định và tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng như: sản phẩm cho gia súc, gia cầm, đại gia súc công ty còn sản xuất các sản phẩm cho cá; tiến tới mở rộng ngành nghề kinh doanh các sản phẩm thịt sạch phục vụ người tiêu dùng.

Lúc đầu thành lập, công ty chỉ có một thương hiệu **Con heo vàng** thì nay công ty đã có thương hiệu Ông Tiên, Thạch Sanh Thân, Cá Vàng, Heo vàng, Vàng 10. Thương hiệu **Con heo vàng** đã đăng ký thương hiệu tại Lào, Campuchia, Trung Quốc và đã tiến hành xác lập nhà phân phối sản phẩm tại Lào.

Mạng lưới phân phối của công ty cũng được mở rộng, từ chỗ chỉ có vài chục đại lý bán lẻ thì hiện nay đã có gần 4000 đại lý bán lẻ và 40 nhà phân phối trên toàn quốc. Thương hiệu **Con heo vàng** đã được người chăn nuôi tin dùng và đánh giá cao

Từ chỗ chỉ có vài chục công nhân đến nay công ty đã có gần 800 cán bộ công nhân viên với thu nhập bình quân đạt gần 2 triệu/ người/ tháng.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

a. Quy mô sản xuất kinh doanh:

Quy mô sản xuất kinh doanh phản ánh qua chỉ tiêu: năng lực sản xuất sản phẩm, tổng vốn kinh doanh, tổng doanh thu, tổng lao động, lợi nhuận/năm.

Qua hơn 19 năm xây dựng và phát triển, công ty đã tạo dựng được uy tín và vị thế của mình trên thị trường bằng việc khẳng định chất lượng sản phẩm

nhằm đem lại sự hài lòng cho người chăn nuôi. Với năng lực hiện tại công ty có thể cung cấp ra thị trường hằng 300 ngàn tấn thức ăn đậm đặc/năm. Trong đó nhà máy tại Hải Phòng luôn phải phát huy hết công suất để đáp ứng nhu cầu của người chăn nuôi các tỉnh phía Bắc thì các nhà máy tại Nghệ An, Quy Nhơn, Đồng Tháp do mới xây dựng và chuẩn bị đi vào hoạt động nên còn nhiều hạn chế về năng lực sản xuất.

BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm/Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
Tổng vốn kinh doanh	181.058.234.506	198.709.053.633
Tổng doanh thu	847.556.615.857	675.413.450.342
Doanh thu thuần	819.348.585.112	656.866.864.190
Lợi nhuận trước thuế	(9.760.702.022)	18.456.869.319
Thuế thu nhập DN		3.634.632.000
Lợi nhuận sau thuế	(9.706.702.022)	18.093.406.077

Qua bảng trên cho thấy: Nguồn vốn kinh doanh 2 năm qua đều tăng, năm sau cao hơn năm trước nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lệ cao giúp cho doanh nghiệp khá chủ động trong sản xuất kinh doanh. Công ty có được uy tín tốt với ngân hàng trong việc vay vốn với khả năng thanh khoản cao nhằm huy động nguồn tài chính lớn phục vụ công ty phát triển. Bên cạnh đó, công ty có được một thương hiệu tốt nhờ chú trọng phát triển thương hiệu tạo vị thế vững mạnh trên thị trường nên được nhiều đối tác quan tâm cùng góp vốn đầu tư.

b. Đặc điểm về sản xuất kinh doanh:

Với sản phẩm thức ăn gia súc là dòng sản phẩm có sự biến đổi lớn khi giá cả nguyên liệu đầu vào thay đổi do phần nhiều nguyên liệu đầu vào của công ty đều phải nhập khẩu, bên cạnh đó sản phẩm đầu ra gặp nhiều khó khăn do giá xuất khẩu liên tục biến động, hơn thế nữa là các sản phẩm đầu ra chủ yếu tiêu thụ nội địa nên giá trị thặng dư không cao. Một đặc thù trong vấn đề kinh doanh thức ăn chăn nuôi đó là phụ thuộc nhiều vào yếu tố như thời tiết, tình hình dịch

bệnh. Minh chứng rõ nhất là tình hình dịch bệnh hoành hành trong những năm qua khiến tình hình tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn.

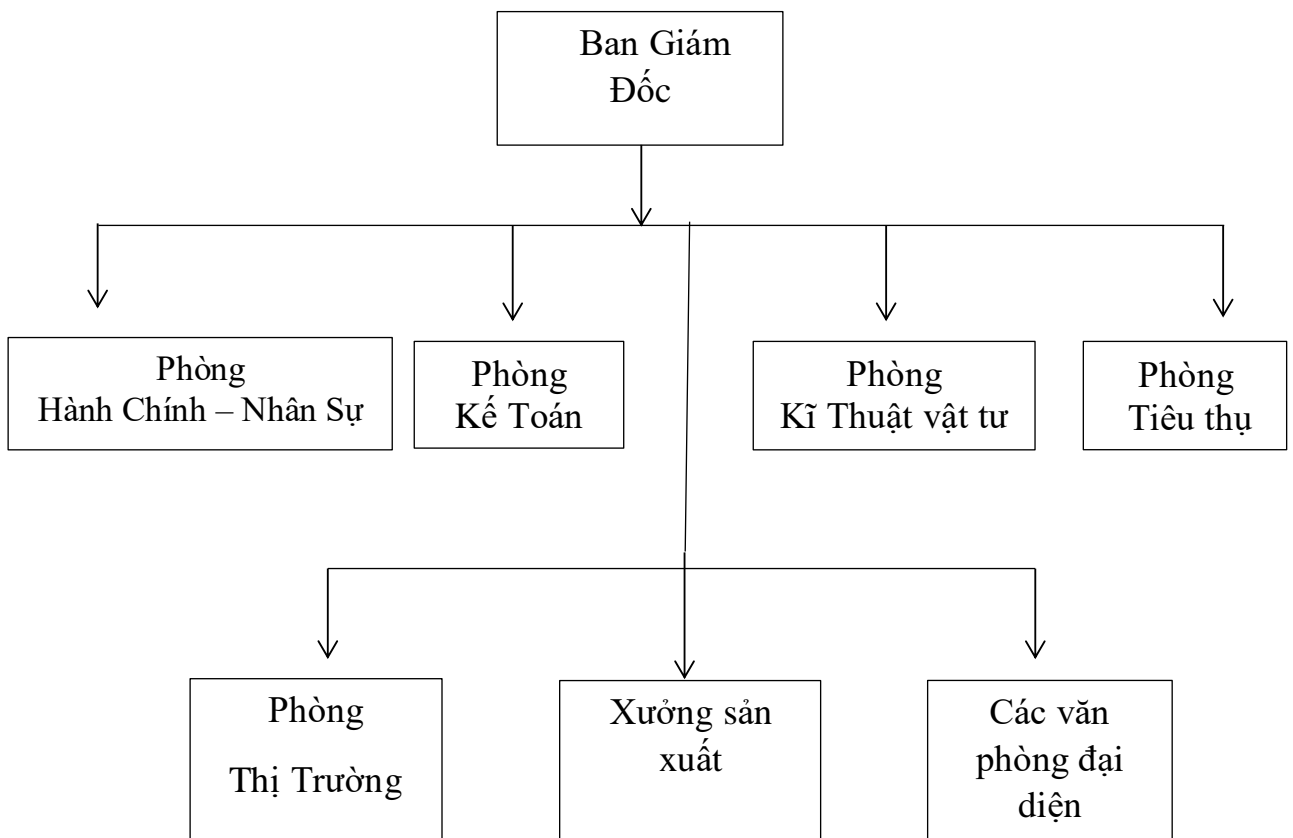
c. Các ngành nghề kinh doanh của công ty.

Nghành nghề chính là sản xuất thức ăn chăn nuôi mang thương hiệu **Con Heo Vàng**.

Ngoài ra còn kinh doanh thuốc thú y và nuôi trồng thủy sản hải sản.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Tổ chức bộ máy quản lý của công ty có vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp tạo nên sự thống nhất nhịp nhàng giữa các bộ phận trong doanh nghiệp. Đảm bảo cho việc tăng cường công tác kiểm tra giám sát chỉ đạo và nâng cao hiệu quả kinh doanh, doanh nghiệp đã thiết lập một bộ máy quản lý gọn nhẹ nhất. Dưới đây là sơ đồ bộ máy quản lý của công ty:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Chức năng của từng phòng ban

➤ **Ban giám đốc công ty:**

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: lập ra các định hướng phát triển của công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính.
- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

➤ **Phòng Hành chính – Nhân sự:**

Phòng có trách nhiệm tuyển dụng và đào tạo lao động, quy định lương thưởng cho cán bộ công nhân viên. Thực hiện các công tác hành chính văn phòng như: tiếp khách, photo, lưu trữ, đảm bảo văn hóa công ty (trang phục, nề nếp làm việc) và các công tác hành chính khác .

➤ **Phòng Tài chính – Kế toán:**

Có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp và xử lý các số liệu thông tin về công tác tài chính kế toán, tham mưu cho giám đốc về hiệu quả của dòng vốn kinh doanh cũng như trong việc lựa chọn và quyết định các phương án kinh doanh ...

➤ **Phòng kỹ thuật vật tư:**

Đảm nhận công tác xuất nhập khẩu của công ty giao nhận vật tư, công tác giám sát kiểm tra chất lượng sản phẩm, giải quyết và thực hiện các qui trình phản hồi của công ty khi có khiếu nại của người chăn nuôi thực hiện các qui trình khảo nghiệm.

➤ **Phòng tiêu thụ :**

Phòng có chức năng tổ chức và giám sát việc tiêu thụ sản phẩm bao gồm hệ thống bán lẻ tới các hộ gia đình, giám sát và đôn đốc việc tiêu thụ của các đại lý cấp I.

➤ **Phòng Thị trường:**

Tiến hành nghiên cứu đánh giá mở rộng thị trường. Xây dựng các kế hoạch thị phần, thị trường, mở rộng công tác tiêu thụ.

➤ **Phân xưởng sản xuất:**

Nơi trực tiếp tổ chức sản xuất ra các sản phẩm theo kế hoạch đề ra. Người chịu trách nhiệm quản lý và điều hành tại phân xưởng là quản đốc phân xưởng, dưới là phó quản đốc, tổ KCS, tổ trưởng các máy và công nhân .

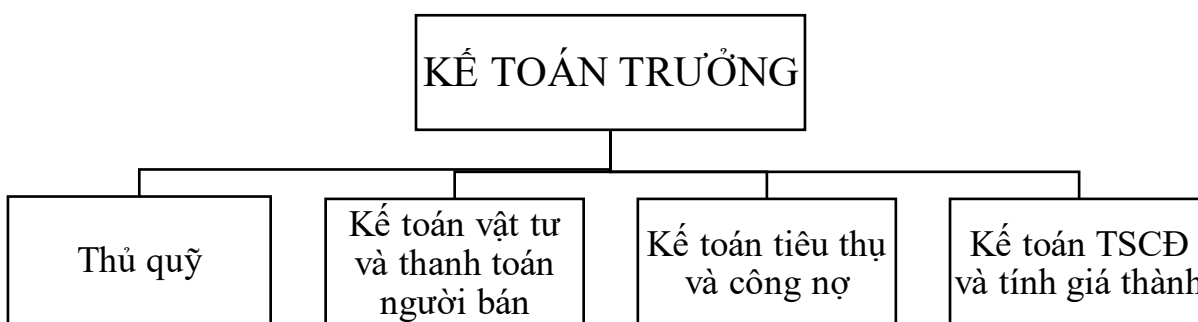
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH Thương mại VIC

2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Nhân viên kế toán của công ty đều được đào tạo chính quy chuyên ngành kế toán, có thời gian làm kế toán tương đối lâu năm nên có nhiều kinh nghiệm trong công tác hạch toán kế toán.

Ta có mô hình kế toán của công ty như sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán.

+ Kế toán trưởng

- Là người chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về việc tổ chức chỉ đạo thực hiện hướng dẫn công tác kế toán trong công ty. Kế toán có chức năng nhiệm vụ chỉ đạo chung đối với mọi hoạt động của bộ máy kế toán trong công ty, bao gồm các mối quan hệ tài chính với cơ quan thuế, kiểm toán, lập bảng biểu về tình hình kinh doanh kinh doanh của công ty.

- Thường xuyên tham mưu giúp cho ban giám đốc thấy rõ mọi hoạt động kinh doanh kinh doanh của đơn vị mình. Từ đó đề ra biện pháp xử lý.

+ **Kế toán vật tư kiêm thanh toán với người bán:**

Có trách nhiệm theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho đối với nguyên liệu, đồng thời còn theo dõi tình hình thanh toán với nhà cung cấp.

+ **Kế toán tiêu thụ và phải thu khách hàng :**

Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm tại các đại lý cũng như tình hình thanh toán công nợ của người mua.

+ **Kế toán TSCĐ và tính giá thành**

Có trách nhiệm theo dõi đầy đủ số tình hình tăng giảm của TSCĐ, đồng thời tổ chức tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

+ **Thủ quỹ:**

Chịu trách nhiệm đảm bảo các hoạt động quản lý và chi trả tiền trong các hoạt động giao dịch của công ty .

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC.

- *Niên độ kế toán* bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.
- *Đơn vị tiền tệ* sử dụng ghi chép là: Đồng Việt Nam, đơn vị tính: đồng
- *Phương pháp khấu hao*: Phương pháp khấu hao đường thẳng.
- *Phương pháp tính thuế GTGT*: theo phương pháp khấu trừ.
- *Phương pháp tính giá xuất kho*: Theo phương pháp bình quân cả kỳ.
- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

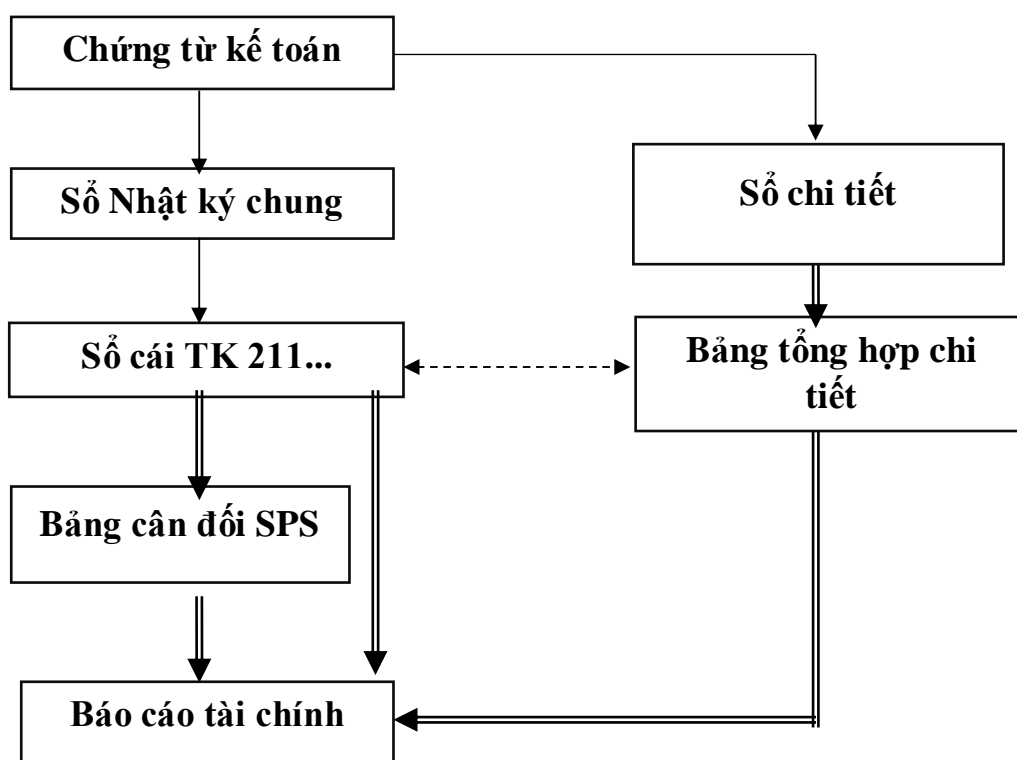
Là một đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất thức ăn gia súc, nghiệp vụ kinh tế phát sinh khá nhiều, do đó để hệ thống hóa và tính các chỉ tiêu kế toán theo yêu cầu quản lý, đồng thời có đội ngũ kế toán tương đối đồng đều về mặt

chuyên môn, bởi đều được đào tạo qua các trường lớp từ bậc trung học đến đại học. Vì vậy đơn vị chọn hình thức kế toán: “Nhật ký chung”.

❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết TK131, 112...
- Sổ cái các TK 211, 214, 511, 515, 111, 112, 131, 331, 632, 911.....

❖ **Quy trình hạch toán:**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty TNHH Thương mại VIC.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra tính hợp pháp được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung. Đồng thời từ chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết. Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi chép các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh căn; cứ vào bảng tổng hợp chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết, số liệu từ bảng cân đối phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp được lập vào cuối năm tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán - Mẫu B01-DN
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh - Mẫu B02-DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ- Mẫu B03 - DN
- Thuyết minh báo cáo tài chính- Mẫu B09 – DN
- Bảng cân đối số phát sinh.

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của Nhà nước như báo cáo thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp... và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình công nợ, Báo cáo chi phí quản lý kinh doanh...

2.2 Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại VIC.

2.2.1 Phân loại và đánh giá giá trị tài sản cố định tại công ty

❖ Phân loại TSCĐ tại công ty:

Tài sản cố định của công ty gồm nhiều loại khác nhau cùng tham gia vào quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Để có thể quản lý tốt TSCĐ đòi hỏi doanh nghiệp phải thực hiện phân loại một cách hợp lý.

TSCĐ tại công ty chia thành:

a, Tài sản cố định hữu hình:

- Nhà cửa vật kiến trúc gồm: Nhà văn phòng công ty 3 tầng, nhà xưởng sản xuất, nhà kho chứa hàng...

- Máy móc thiết bị gồm: Máy nghiền, trộn, máy ép vên, máy khâu bao, máy phát điện....
- Phương tiện vận tải: Ô tô, xe nâng hàng...
- Tài sản cố định khác bao gồm: Tủ bù điện, lò hơi...

b, Tài sản cố định vô hình:

- Phần mềm điều khiển phối trộn nguyên liệu
- Phần mềm XD chuẩn cho máy NIR 5000

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty TNHH Thương mại VIC cũng như các doanh nghiệp khác cần phải đầu tư thêm phương tiện vận tải, thiết bị mới và thanh lý, nhượng bán bớt những TSCĐ đã không còn hiệu quả.

❖ **Đánh giá giá trị của TSCĐ:**

- Nguyên giá:

Tại công ty TSCĐ tăng chủ yếu do mua sắm. Đối với những tài sản mua sắm thì nguyên giá là giá mua thực tế phải trả, các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp đến TSCĐ tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt,...

- Giá trị hao mòn:

Giá trị hao mòn của TSCĐ là tổng số khấu hao lũy kế của TSCĐ đã trích được tính đến thời điểm báo cáo.

- Giá trị còn lại:

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá TSCĐ} - \text{Hao mòn lũy kế}$$

2.2.2 Kế toán chi tiết tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại VIC

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Sổ sách sử dụng: Sổ theo dõi TSCĐ, thẻ tài sản....

❖ Quy trình mua, bán TSCĐ

- Căn cứ vào kế hoạch, Phòng Kỹ thuật – Vật tư lập tờ trình gửi giám đốc duyệt hồ sơ về việc mua hoặc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.
- Căn cứ vào tờ trình Giám đốc ra Quyết định duyệt mua hoặc thanh lý tài sản cố định.
- Sau khi tìm được đối tác các bên sẽ lập hợp đồng kinh tế mua, bán tài sản cố định.
- Biên bản giao nhận tài sản cố định sẽ được lập sau khi tài sản cố định được hội đồng kiểm tra nghiệm thu.
- Đồng thời bên bán viết hóa đơn GTGT giao cho phòng kế toán để làm thủ tục thanh toán.
- Căn cứ vào bộ chứng từ kế toán tiến hành ghi vào thẻ tài sản cố định và sổ chi tiết tài sản cố định. Từ sổ thẻ chi tiết tài sản cố định cuối kỳ kế toán ghi vào “Bảng tổng hợp chi tiết tài sản cố định”.
- Ngoài ra, đối với việc thanh lý tài sản cố định sau khi lập tờ trình, công ty sẽ tiến hành lập Biên bản giám định, Biên bản đánh giá lại tài sản cố định. Căn cứ vào quyết định của Giám đốc mới lập Biên bản thống nhất giá khởi điểm để đấu giá. Và sau đó, có Biên bản làm việc để quyết định bán cho người đấu giá cao nhất trước khi lập Biên bản giao nhận tài sản cố định và viết hóa đơn.

Ví dụ: Ngày 28/08/2017, theo đề nghị của Phòng Kỹ thuật – Vật tư, ô tô Suzuki BK 16H 6683 của công ty đã cũ, giá trị đã khấu hao hết cần bán thanh lý. Ban thanh lý của công ty đã họp và quyết định thanh lý TSCĐ trên.

Nguyên giá: 382.964.767 đồng, hao mòn lũy kế: 382.964.767 đồng, giá trị còn lại là 0 đồng, giá trị thu hồi từ thanh lý: 61.500.000 đồng, chưa có VAT10%, đã thu bằng tiền gửi ngân hàng.

Khi tiến hành thanh lý cần lập một hội đồng thanh lý tiến hành công việc đánh giá tài sản theo hiện trạng, tình hình kỹ thuật, giá trị còn lại, kèm theo “*Biên bản thanh lý TSCĐ*”

Căn cứ vào hóa đơn và chứng từ liên quan kế toán tiến hành ghi “thẻ TSCĐ” và “sổ chi tiết TK 211”

Biểu số 2.1: Đơn đề nghị thanh lý TSCĐ

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Khu Công nghiệp Vĩnh Niệm – Lê Chân - HP Độc lập – tự do – hạnh phúc
 -----o0o-----

Hải Phòng, ngày 22 tháng 08 năm 2017

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại VIC

Phòng Kỹ thuật – Vật tư được Giám đốc giao nhiệm vụ quản lý phương tiện vận tải của công ty. Trong quá trình sử dụng dù được đã được bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng quy trình quy phạm nhưng do phương tiện đã sử dụng qua nhiều năm, đã khấu hao hết nên đã cũ, sử dụng không hiệu quả.

Theo công tác kiểm kê được kết hợp giữa phòng Tài chính - Kế toán, bộ phận Phòng Hành chính - Nhân sự, Kỹ thuật – Vật tư công ty đã lập danh sách phương tiện cũ kỹ, lạc hậu, giá trị hao mòn đã gần hết báo cáo lên Giám đốc. Kính đề nghị Giám đốc xét duyệt thanh lý phương tiện này.

STT	Tên, quy cách TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	GT thu hồi ước tính
1	Ô tô Suzuki BK 16H 6683	382.964.767	382.964.767	0	61.500.000
	Tổng	382.964.767	382.964.767	0	61.500.000

GIÁM ĐỐC PHÒNG HÀNH CHÍNH – NHÂN SỰ PHÒNG KỸ THUẬT- VẬT TƯ

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.2: Biên bản thanh lý TSCĐ

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Khu Công nghiệp Vĩnh Niệm – Lê Chân - HP Độc lập – tự do – hạnh phúc
-----o0o-----

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 28 ngày 08 năm 2017

Số: 10

Căn cứ Đơn đề nghị xin thanh lý ngày 22/08/2017 của Phòng Kỹ thuật – Vật tư Công ty TNHH Thương mại VIC đã được Giám đốc phê duyệt.

I. Ban thanh lý TSCĐ bao gồm:

1. Ông: Nguyễn Bá Dương - Giám đốc công ty - Đại diện Trưởng Ban HĐTL
2. Ông: Lê Quốc Vương - Kế toán Trưởng - Ủy viên
3. Ông: Lê Quốc Hùng - Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư - Ủy viên
4. Bà: Ngô Thị Thủy - Kế toán TSCĐ - Ủy viên

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ

Loại tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá TSCĐ	Giá trị còn lại
Ô tô Suzuki BK 16H 6683	01	2009	382.964.767	0

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ

-TSCĐ theo giá thị trường là 61.500.000đ, chấp nhận bán thanh lý với giá 61.500.000đ (chưa thuế GTGT 10%).

IV. Kết quả thanh lý

- Giá trị thu hồi: 61.500.000đ (Sáu mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Đã ghi giảm số TSCĐ.

Ngày 28 tháng 08 năm 2017

CÁC THÀNH VIÊN

TRƯỞNG BAN THANH LÝ

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.3: Giấy báo có của ngân hàng



Số: 961

Mã GDV: PHUCDTQTO

Mã KH: 594256

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 28/08/2017

Kính gửi: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC**

Mã số thuế: 0200358184

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 0531 0088 2310 8

Số tiền bằng số: 67.650.000

Số tiền bằng chữ: *Sáu bảy triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./*

Nội dung: ##Thu tiền thanh lý xe Ô tô Suzuki BK 16H 6683 cho Ông Việt##

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.4. Thẻ tài sản cố định

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

Đ/C: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niêm - Lê Chân - Hải Phòng

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 01 tháng 07 năm 2009

Căn cứ vào Biên bản bàn giao TSCĐ số 65 ngày 01 tháng 07 năm 2009.

Tên, ký hiệu, quy cách TSCĐ: Ô tô Suzuki 4 chỗ BK 16H 6683.

Nước sản xuất: Ấn Độ

Năm sản xuất: 2008

Bộ phận quản lý sử dụng: Văn phòng công ty

Năm sử dụng: 2009

Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn TSCĐ	
Năm	Diễn giải	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
01/07/2009	Ô tô Suzuki BK 16H 6683	382.964.767		
31/12/2009	Phân bổ KH TSCĐ		23.935.298	23.935.298
31/12/2010	Phân bổ KH TSCĐ		47.870.596	71.805.894
31/12/2011	Phân bổ KH TSCĐ		47.870.596	119.676.490
31/12/2012	Phân bổ KH TSCĐ		47.870.596	167.547.086
31/12/2013	Phân bổ KH TSCĐ		47.870.596	215.417.681
31/12/2014	Phân bổ KH TSCĐ		47.870.596	263.288.277
31/12/2015	Phân bổ KH TSCĐ		47.870.596	311.158.873
31/12/2016	Phân bổ KH TSCĐ		47.870.596	359.029.469
28/08/2017	Phân bổ KH TSCĐ		23.935.298	382.964.767

Ghi giảm TSCĐ theo Biên bản thanh lý TSCĐ số 10 ngày 28/08/2017.

Lý do giảm: Bán thanh lý TSCĐ.

Ngày 28 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.5: Sổ chi tiết tài khoản 211

SỔ CHI TIẾT

Tài khoản: 211- Tài sản cố định hữu hình

Đối tượng: Phương tiện vận tải – TK 2112

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu năm				20.577.707.164	
HD1701	07/05	Mua xe nâng hàng	331	319.000.000		20.896.707.164	
HD2211	31/07	Mua ô tô tải BK 15R 283 27	331	1.791.785.000		22.688.492.164	
		...					
BBTL10	28/8	Thanh lý xe oto 4 chỗ Suzuki BK 16H 6683	214		382.964.767	23.105.527.397	
		Số phát sinh		2.910.785.000	382.964.767		
		Số dư cuối năm				23.105.527.397	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.6: Sổ tổng hợp tài sản cố định
SỔ TỔNG HỢP TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
 Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TT	Loại tài sản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Nhà cửa vật kiến trúc	30.519.051.690		4.022.248.984	0	34.541.300.674	
2	Máy móc thiết bị	33.175.469.641		12.315.999.792	0	45.491.469.433	
3	Phương tiện vận tải	20.577.707.164		2.910.785.000	382.964.767	23.105.527.397	
4	Tài sản cố định khác	8.576.519.203		0	0	8.576.519.203	
	Cộng	92.848.747.698		19.249.033.776	382.964.767	111.714.816.707	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

2.2.3 Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH Thương mại VIC

❖ Chứng từ sử dụng

Tại Công ty TNHH Thương mại VIC sử dụng các chứng từ sau:

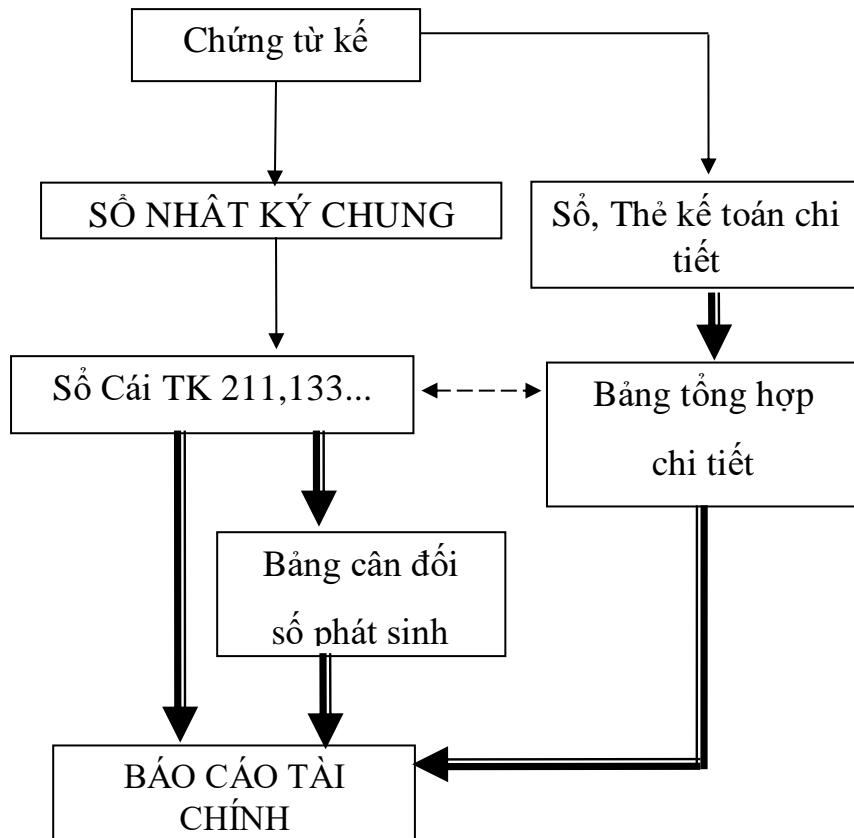
- + Hợp đồng mua bán TSCĐ
- + Hóa đơn GTGT
- + Biên bản thanh lý TSCĐ
- + Biên bản giao nhận TSCĐ
- + Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng

- + TK 211: TSCĐ hữu hình
 - TK 2111: Nhà cửa vật kiến trúc
 - TK 2112: Máy móc thiết bị
 - TK 2114: Phương tiện vận tải
 - TK 2115: thiết bị, dụng cụ quản lý
- + TK 213: TSCĐ vô hình
- + TK 214: Hao mòn TSCĐ
- + TK khác có liên quan: TK 111,112,331,...

❖ Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán tăng, giảm TSCĐ được thể hiện qua sơ đồ sau:



Ghi chú:
 Ghi hàng ngày \Rightarrow
 Ghi định kỳ \Rightarrow
 Đối chiếu \dashleftarrow

❖ **Ví dụ minh họa:**

Ví dụ 1: Ngày 07/05/2017, Công ty mua 01 xe nâng hạ dùng ở bộ phận bán hàng, với giá mua chưa thuế là 319.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán. Tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn kinh doanh.

Sau khi “Hợp đồng mua bán” được chứng thực đầy đủ điều kiện pháp lý và bắt đầu có hiệu lực, Công ty TOYOTA Hải Phòng đã tiến hành bàn giao TSCĐ thông qua “Biên bản bàn giao TSCĐ” vào ngày 07/05/2017 kèm theo “Hóa đơn GTGT” ngày 07/05/2017.

Căn cứ vào các chứng từ phát sinh, kế toán ghi vào “Nhật ký chung”. Từ sổ nhật ký chung kế toán tiến hành ghi vào “Sổ Cái TK 211”, sổ cái tài khoản 133 và 331

Ví dụ 2: Ngày 28/08/2017, theo đề nghị của Phòng Kỹ thuật – Vật tư, ô tô Suzuki BK 16H 6683 của công ty đã cũ, khấu hao hết cần bán thanh lý. Ban thanh lý của công ty đã họp và quyết định thanh lý TSCĐ trên.

Nguyên giá: 382.964.767 đồng, hao mòn lũy kế: 382.964.767 đồng, giá trị còn lại là 0 đồng, giá trị thu hồi từ thanh lý: 61.500.000 đồng, chưa có VAT10%, đã thu bằng tiền gửi ngân hàng.

Khi tiến hành thanh lý cần lập một hội đồng thanh lý tiến hành công việc đánh giá tài sản theo hiện trạng, tình hình kỹ thuật, giá trị còn lại, kèm theo “*Biên bản thanh lý TSCĐ*”

Căn cứ vào hóa đơn và chứng từ liên quan kế toán tiến hành ghi “*thẻ TSCĐ*” và “*sổ chi tiết TK 211*”

Biểu số 2.7: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:															
Liên 2: Giao khách hàng			01GTKT3/001															
Ngày 07 tháng 05 năm 2017			Ký hiệu: TM/17P															
			Số: 000492															
Đơn vị bán hàng: Công ty TOYOTA Hải Phòng																		
Mã số thuế: 02007163901																		
Địa chỉ: Số 213 Lạch Tray, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng																		
Điện thoại: 0225 13899562																		
Số tài khoản:																		
Họ tên người mua hàng:																		
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC																		
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>						0	2	0	0	3	5	8	1	8	4			
0	2	0	0	3	5	8	1	8	4									
Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niêm - Lê Chân - Hải Phòng																		
Hình thức thanh toán: CK/TM..... Số tài khoản:.....																		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6=5x4													
1	Xe nâng hàng				319.000.000													
	/																	
Cộng tiền hàng					319.000.000													
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			31.900.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					350.900.000													
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba trăm năm mươi triệu chín trăm nghìn đồng</i>																		
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>														
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																		

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.8: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:															
Liên 3: Lưu			01GTKT3/001															
Ngày 28 tháng 08 năm 2017			Ký hiệu: TM/17P															
			Số: 002281															
Tên đơn bán hàng vị: Công ty TNHH Thương mại VIC																		
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	3	5	8	1	8	4			
0	2	0	0	3	5	8	1	8	4									
Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niêm - Lê Chân - Hải Phòng																		
Điện thoại: 0225 13899562. Số tài khoản:																		
Họ tên người mua hàng: Ông Vũ Quốc Việt																		
Tên đơn vị:																		
Mã số thuế:																		
Địa chỉ: 31 Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng																		
Hình thức thanh toán: CK/TM..... Số tài khoản:.....																		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6=5x4													
1	Xe ô tô Suzuki BK 16H 6683				61.500.000													
	/																	
Cộng tiền hàng					61.500.000													
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		6.150.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					67.650.000													
Số tiền viết bằng chữ: <i>Sáu bảy triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn</i>																		
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>														
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																		

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.9: Giấy báo có của ngân hàng



Số: 961

Mã GDV: PHUCDTQTO

Mã KH: 594256

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 28/08/2017

Kính gửi: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC**

Mã số thuế: 0200358184

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 0531 0088 2310 8

Số tiền bằng số: 67.650.000

Số tiền bằng chữ: *Sáu bảy triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./*

Nội dung: ##Thu tiền thanh lý xe Ô tô Suzuki BK 16H 6683 cho Ông Vũ Quốc Việt##

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.10: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC
 Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
 ((Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
07/05 /17	HĐ 492	07/05 /17	Mua xe nâng hạ	211 133 331	319.000.000 31.900.000	350.900.000
			...			
28/08 /17	BBTL 10	28/08 /17	Thanh lý ô tô Suzuki cho Ông Quốc Việt	214 211	382.964.767	382.964.767
28/08 /17	BC961 HĐ2281	28/08 /17	Hạch toán thu nhập từ bán xe cho ông Vũ Quốc Việt	112 711 333	67.650.000	61.500.000 6.150.000
			...			
02/12 /17	PC821 HĐ1102	02/12 /17	Chi phí sửa xe ô tô	642 133 111	7.850.000 785.000	8.635.000
			...			
31/12 /17	PBKH 12	31/12 /17	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2017	627 641 642 214	461.575.097 261.315.204 156.721.501	879.611.802
			...			
			Cộng phát sinh		2.891.772.738.341	2.891.772.738.341

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.11: Trích sổ cái TK 211

Công ty TNHH Thương mại VIC
Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Tài sản cố định hữu hình

Số hiệu: 211

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		92.848.747.698	
				
07/05/ 17	HD492	07/05/ 17	Mua xe nâng hàng	331	319.000.000	
			...			
01/6/1 7	QTXD 21/17	01/06/ 17	Bản giao giá trị nhà xưởng TR12	241	436.757.517	
			...			
06/06/ 17	QTXD 25/17	06/06/ 17	Bản giao giá trị nhà xưởng TR14	241	173.153.482	
			...			
31/07/ 17	HD 2211	31/07/ 17	Mua ô tô tải BK 15R 283 27	331	1.791.785.000	
			...			
28/08/ 17	BBTL 10	28/08/ 17	Thanh lý ô tô Suzuki cho Ông Vũ Quốc Việt	214		382.964.767
			...			
			Cộng phát sinh năm		19.249.033.776	382.964.767
			Số dư cuối kỳ		111.714.816.707	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

2.2.4. Kế toán khấu hao tài sản cố định

Hiện nay, Công ty TNHH Thương mại VIC đang áp dụng phương pháp trích khấu hao theo đường thẳng (hay còn được gọi là khấu hao đều hoặc khấu hao tuyến tính) đối với các tài sản cố định doanh nghiệp quản lý. Phương pháp này được quy định trong nội dung của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành chế độ quản lý và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty có cách tính phân bổ khấu hao những tháng có sự biến động về tài sản như sau: đối với những tài sản mua, bán chưa đủ tháng nhưng công ty trích khấu hao, hoặc thôi không trích khấu hao cả tháng.

- Xác định mức trích khấu hao hàng năm (cho những năm còn lại của tài sản cố định) như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng còn lại}}$$

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng tháng cho TSCĐ như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích khấu hao cả năm}}{12 \text{ Tháng}}$$

❖ Chứng từ sử dụng

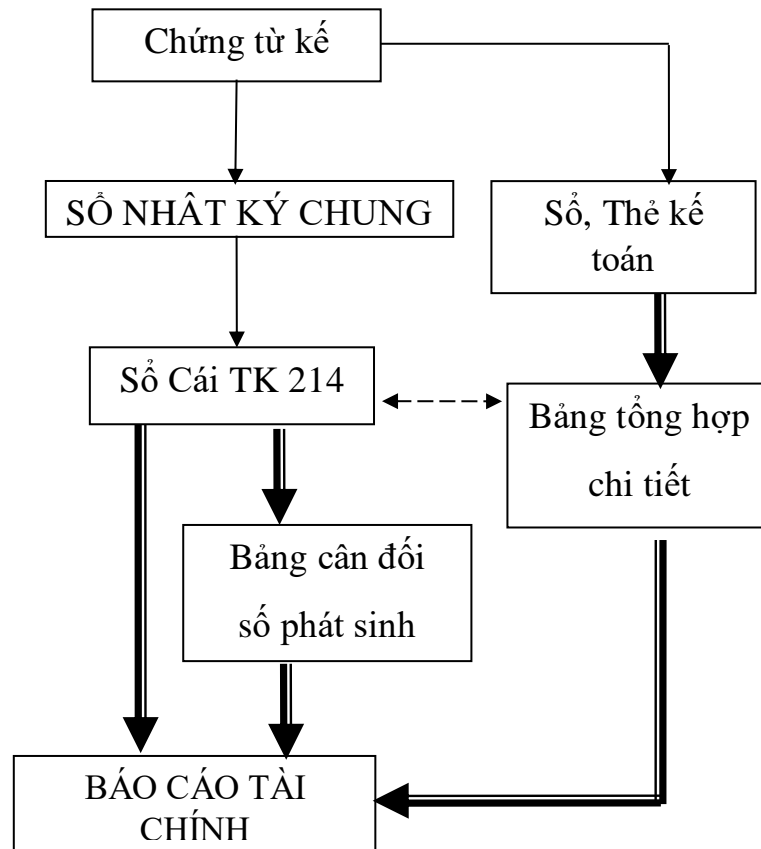
Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 214, 627, 641, 642.

❖ Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán khấu hao TSCĐ thể hiện ở sơ đồ sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi định kỳ \Longrightarrow

Đối chiếu \longleftrightarrow

Ví Du: Ngày 07/05/2017, Công ty TNHH Thương mại VIC đã mua 1 xe nâng hạ, giá mua ghi trên hoá đơn là 319.000.000 đồng, thời gian tính khấu hao là 6 năm. Tài sản này được đưa vào sử dụng ngày 07/05/2017 và kế toán bắt đầu tính khấu hao từ ngày 01/05/2017

Nguyên giá tài sản cố định = 319.000.000 đồng.

Mức trích KH trung bình năm = $319.000.000/6 = 53.166.667$ đồng/năm

Mức trích KH trung bình tháng = $53.166.667/12 = 4.430.556$ đồng/tháng.

Mức trích KH tháng 5 = 4.430.556 đồng/tháng.

Biểu số 2.12: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
Tháng 12 năm 2017

T T	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Số tháng KH	Mức KH năm	Mức KH tháng 12	Tài khoản ghi nợ			Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
						TK 627	TK 641	TK 642		
1	Trạm biến áp 750KVA	183.272.227	72	30.545.371	2.545.448			2.545.448	127.272.380	55.999.847
2	Hệ thống gầu tải	120.900.000	48	30.225.000	2.518.750	2.518.750			88.156.250	32.743.750
3	Hệ thống điều khiển máy ép viên	122.000.000	48	30.500.000	2.541.667	2.541.667			88.958.333	33.041.667
4	Máy nghiền trộn	120.000.000	48	30.000.000	2.500.000	2.500.000			75.000.000	45.000.000
	...									
41	Xe nâng hàng	319.000.000	72	53.166.667	4.430.556		4.430.556		35.444.448	283.555.552
	...									
	Cộng	111.714.816.707			879.611.802	461.575.097	261.315.204	156.721.501	79.630.088.980	52.084.727.727

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.13: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN

((Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC))

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
07/05/17	HD 492	07/05/17	Mua xe nâng hạ	211 133 331	319.000.000 31.900.000	350.900.000
			...			
28/08/17	BBTL 10	28/08/17	Thanh lý ô tô Suzuki cho Ông Đức Việt	214 211	382.964.767	382.964.767
28/08/17	BC961 HD 2281	28/08/17	Hạch toán thu nhập từ bán xe cho Ông Việt	111 711 333	67.650.000	61.500.000 6.150.000
			...			
02/12/17	PC821 HD 1102	02/12/17	Chi phí sửa xe ô tô	641 133 111	7.850.000 785.000	8.635.000
			...			
31/12/17	PBKH 12	31/12/17	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2017	627 641 642 214	461.575.097 261.315.204 156.721.501	879.611.802
			...			
			Cộng phát sinh		2.891.772.738.341	2.891.772.738.341

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.14: Trích sổ Cái TK 214

Công ty TNHH Thương mại VIC
Cụm Công nghiệp Vĩnh Niêm - Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Hao mòn TSCĐ

Số hiệu: 214

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			71.392.923.877
				
28/08 /17	BBTL 10	28/08 /17	Thanh lý ô tô Suzuki cho Ông Đức Việt	214	382.964.767	
			...			
30/9/1 7	BKH T9	30/9/1 7	Trích khấu hao TSCĐ tháng 9	627 641 642		461.575.097 261.315.204 156.721.501
31/10/ 17	BKH T10	31/10/ 17	Trích khấu hao TSCĐ tháng 10	627 641 642		461.575.097 261.315.204 156.721.501
30/11/ 17	BKH T11	30/11/ 17	Trích khấu hao TSCĐ tháng 11	627 641 642		461.575.097 261.315.204 156.721.501
31/12/ 17	BKH T12	31/12/ 17	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12	627 641 642		461.575.097 261.315.204 156.721.501
			Cộng phát sinh năm		382.964.767	8.620.129.870
			Số dư cuối kỳ			79.630.088.980

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

2.2.5 Kế toán sửa chữa tài sản cố định

Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ thường phát sinh tương đối đều đặn, giá trị thấp nên kế toán phản ánh trực tiếp vào chi phí SXKD trong kỳ hạch toán. Công ty có thể tự sửa đổi với những trường hợp hỏng hóc đơn giản. Trong trường hợp không tự sửa được công ty sẽ đi thuê ngoài.

❖ Chứng từ sử dụng

- Bảng tính lương công nhân viên sửa chữa thường xuyên TSCĐ.
- Phiếu chi, HĐGTGT (liên 2).

❖ Tài khoản sử dụng

TK 627, 641, 642, 331, ...

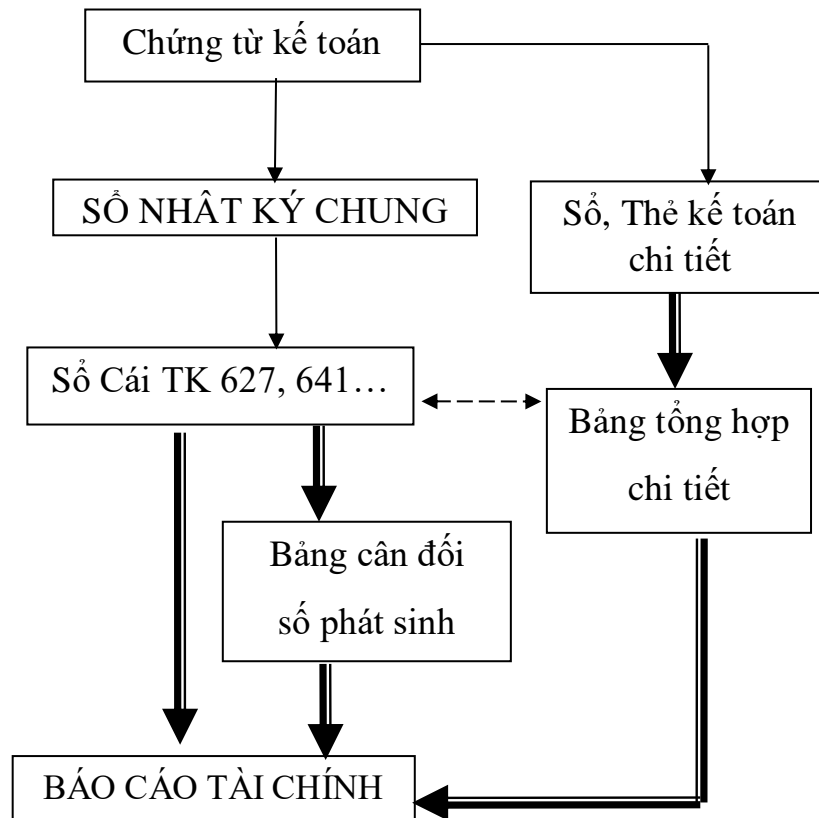
❖ Trình tự luân chuyển chứng từ

Khi phát sinh chi phí sửa chữa TSCĐ, bộ phận quản lý TSCĐ tiến hành lập danh mục vật tư dưới sự kiểm tra giám sát của lãnh đạo doanh nghiệp. Sau khi danh mục vật tư được lập, các đơn vị trình Giám đốc ký duyệt với đầy đủ chữ ký của các bên và bộ phận theo dõi kiểm tra.

Căn cứ vào HĐ GTGT mua dịch vụ, Phiếu xuất kho, Phiếu chi, Bảng tính lương,.. phát sinh trong quá trình sửa chữa thường xuyên, kế toán tập hợp trực tiếp vào chi phí liên quan của từng bộ phận. Phát sinh sửa chữa thường xuyên đến đâu thì tập hợp chi phí tới đó.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ về chi phí sửa chữa thường xuyên thực tế phát sinh, kế toán tiến hành tập hợp chi phí chuyển vào Sổ Nhật ký chung và sổ cái các TK có liên quan.

❖ Quy trình hạch toán

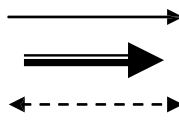


Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi định kỳ

Đối chiếu



Ví dụ 4: Ngày 02/12/2017, công ty chi bảo dưỡng xe ô tô 4 chỗ (xe được dùng để phục vụ cho bộ phận bán hàng), số tiền chưa thuế GTGT 7.850.000, thuế GTGT10%, thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Khi TSCĐ bị hỏng hoặc xuống cấp lái xe Trần Mạnh Cường viết “Đơn đề nghị bảo dưỡng sửa chữa” trình lên giám đốc. Khi đơn đề nghị được chấp thuận thì tiến hành mang TSCĐ đi bảo dưỡng. Sau khi quá trình sửa chữa hoàn tất thì “Hóa đơn GTGT”. Đồng thời kế toán nhận được “Bảng tổng hợp chi phí sửa chữa, thường xuyên” được gửi về doanh nghiệp. Kế toán căn cứ vào hóa đơn để viết “Phiếu chi” để trả tiền cho bên sửa chữa.

Căn cứ vào các chứng từ phát sinh, kế toán ghi vào “Nhật ký chung”. Từ sổ Nhật ký chung kế toán vào “Sổ cái TK 641”, sổ cái TK 133, 111.

Biểu số 2.15: Bảng tổng hợp CPSC thường xuyên

Công ty TNHH Thương mại VIC
Cụm Công nghiệp - Vĩnh Niêm - Lê Chân - HP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-tự do – hạnh phúc

-----o0o-----

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG

Ngày 02 tháng 12 năm 2017

TT	Tên thiết bị	Tên vật tư	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xe ô tô 4 chỗ	Thay lọc xăng	01	270.000	270.000
2		Thay thắng xe	01	410.000	410.000
3		Thay lốp xe	01	5.050.000	5.050.000
4		Bảo dưỡng cấp (III)	01	750.000	750.000
		Tổng (chưa VAT)			7.850.000

Hải Phòng, ngày 02 tháng 12 năm 2017

Phụ trách bộ phận

(Ký tên)

Người lập

(Ký tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.16: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:																
Liên 2: Giao khách hàng			01GTKT3/001																
Ngày 02 tháng 12 năm 2017			Ký hiệu: TM/17P																
			Số: 0011022																
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Mai Anh																			
Mã số thuế: 0200706351																			
Địa chỉ: Số 712 Nguyễn Văn Linh , Q. Lê Chân , TP. Hải Phòng																			
Điện thoại: 0225 13899562																			
Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng: Trần Mạnh Cường.....																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">2</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">3</td><td style="width: 20px;">5</td><td style="width: 20px;">8</td><td style="width: 20px;">1</td><td style="width: 20px;">8</td><td style="width: 20px;">4</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>						0	2	0	0	3	5	8	1	8	4				
0	2	0	0	3	5	8	1	8	4										
Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niêm - Lê Chân - Hải Phòng																			
Hình thức thanh toán: CK/TM..... Số tài khoản:.....																			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=5x4														
1	Sửa xe (bảng kê kèm theo)				7.850.000														
Cộng tiền hàng					7.850.000														
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			785.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					8.635.000														
Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám triệu sáu trăm ba lăm nghìn đồng</i>																			
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																			

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.17: Phiếu chi tiền

Công ty TNHH Thương mại VIC
Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân -
Hải Phòng

02 – TT
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số: 821

Hải phòng, ngày 02 tháng 12 năm 2017

Nợ 641

Nợ 133

Có:111

Họ tên người nhận tiền: Trần Mạnh Cường

Địa chỉ: Phòng Tiêu thụ

Lý do chi: Thanh toán tiền sửa xe cho Công ty TNHH Mai Anh

Số tiền: 8.635.000 (Viết bằng chữ: Tám triệu sáu trăm ba lăm nghìn đồng).

Kèm theo 01 chứng từ gốc Hóa đơn GTGT 1102

Ngày 02 tháng 12 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Tám triệu sáu trăm ba lăm nghìn đồng .

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.18: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC
 Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
 ((Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
07/05 /17	HD492	07/05/ 17	Mua xe nâng hạ	211 133 331	319.000.000 31.900.000	350.900.000
			...			
28/08 /17	BBTL 10	28/08/ 17	Thanh lý ô tô Suzuki cho Ông Đức Việt	214 211	382.964.767	382.964.767
28/08 /17	BC961 HD 2281	28/08/ 17	Hạch toán thu nhập từ bán xe	111 711 333	67.650.000	61.500.000 6.150.000
			...			
02/12 /17	PC821 HD 11022	02/12/ 17	Chi phí sửa xe ô tô	641 133 111	7.850.000 785.000	8.635.000
			...			
31/12 /17	PBKH 12	31/12/ 17	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2017	627 641 642 214	461.575.097 261.315.204 156.721.501	879.611.802
			...			
			Cộng phát sinh		2.891.772.738.341	2.891.772.738.341

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

Biểu số 2.19: Trích sổ Cái TK 641

Công ty TNHH Thương mại VIC
Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
				
30/9/17	BKH T9	30/9/17	Trích khấu hao TSCĐ tháng 9	214	261.315.204	
31/10/1 7	BKH T10	31/10/17	Trích khấu hao TSCĐ tháng 10	214	261.315.204	
			...			
30/11/1 7	BKH T11	30/11/17	Trích khấu hao TSCĐ tháng 11	214	261.315.204	
			...			
02/12/ 17	PC821 HĐ1102	02/12/1 7	Chi phí sửa xe ô tô	111	7.850.000	
			...			
30/11/1 7	BKH T11	30/11/17	Trích khấu hao TSCĐ tháng 11	214	261.315.204	
			...			
			Cộng phát sinh năm		11.492.601.328	11.492.601.328
			Số dư cuối kỳ			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

Hiện nay đất nước ta đang phát triển theo định hướng nền kinh tế công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vì vậy, vai trò kế toán càng trở nên quan trọng và trở thành một công cụ không thể thiếu trong quản lý kinh tế nhà nước và của mọi doanh nghiệp. Kế toán được sử dụng như một công cụ sắc bén và có hiệu quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị.

Trong nhiều năm nay, Chính sách tài sản cố định của nước ta không ngừng được sửa đổi và hoàn thiện. Chế độ tài sản cố định mới ra đời nhằm hoàn thiện việc trả quản lý tài sản cố định để phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và trình độ quản lý kinh tế. Vì thế kế toán tài sản cố định ở doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng cũng phải được nghiên cứu và hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh và quản lý kinh tế.

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty

Qua thời gian tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nói chung, cách tính và cách hạch toán tài sản cố định ở Công ty TNHH Thương mại VIC. Nhìn chung công ty đã thực hiện tốt theo chính sách của Nhà nước nhưng bên cạnh đó còn một số hạn chế cần khắc phục để công tác hạch toán tài sản cố định của công ty ngày càng tốt hơn.

3.1.1 Ưu điểm

** Về công tác kế toán nói chung*

- **Tổ chức bộ máy quản lý:** Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm và quy mô hoạt động của Công ty. Các phòng ban được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và thực hiện tốt các yêu cầu quản lý, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí và sử dụng lao động có hiệu quả cho công ty.

- **Bộ máy kế toán:** Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung nhằm thực hiện chức năng kiểm tra giám sát đầy đủ và chặt chẽ

các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phù hợp với tình hình thực tế của công ty. Bộ máy kế toán đã thể hiện rõ vai trò quan trọng của mình trong tham mưu cho các nhà quản lý trong việc tạo ra các quyết định kinh tế. Với mô hình tổ chức này, năng lực của kế toán viên được khai thác một cách hiệu quả đồng thời hạn chế việc tiêu hao công sức.

- **Về hình thức kế toán:** Công ty áp dụng theo hình thức “Nhật ký chung”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

- **Về hệ thống chứng từ, tài khoản và báo cáo tài chính**

+ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định theo quyết định số TT 200/2014/QĐ-BTC. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

+ Công ty TNHH Thương mại VIC sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số TT 200/2014/QĐ-BTC.

+ Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

*** Về công tác hạch toán kế toán TSCĐ nói riêng**

- *Kế toán tổng hợp TSCĐ:* Kế toán tổng hợp TSCĐ không chỉ đảm bảo được tính đầy đủ về mặt nội dung và sự khoa học trong cách trình bày và báo cáo đã giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được tình hình sử dụng TSCĐ trong Công ty một cách chi tiết, đúng đắn nhằm đưa ra các quyết định sáng suốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- *Công tác quản lý TSCĐ:* Tài sản cố định được công ty kiểm kê, đánh giá vào thời điểm cuối năm. Việc này giúp cho công ty có khả năng kiểm soát được tình hình hiện trạng của TSCĐ đang được sử dụng tại công ty. Căn cứ vào kết

quả kiểm kê hàng năm, công ty đã có những biện pháp giải quyết kịp thời. Ngoài ra việc kiểm kê giúp cho các nhà quản lý định ra được phương hướng đầu tư vào TSCĐ cũng như việc đề ra những biện pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.

- *Công tác theo dõi và tính khấu hao TSCĐ*: Kế toán TSCĐ đã lựa chọn phương thức khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng không chỉ đơn giản dễ thực hiện mà còn phù hợp với tính chất ổn định trong hoạt động của doanh nghiệp.

3.1.2 Hạn chế

Trong việc hạch toán chi tiết TSCĐ Công ty đã thực hiện tương đối đầy đủ các quy định về chứng từ kế toán, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số mặt sau:

- *Về cách tính khấu hao tài sản cố định*: khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Khi Tài sản cố định được mua về sử dụng chưa tròn tháng, xấp xỉ tháng hoặc thanh lý không vào ngày đầu tháng thì doanh nghiệp vẫn tính khấu hao cả tháng đó.

Ví dụ: Ngày 07/05/2017, Công ty mua 01 xe nâng hạ dùng ở bộ phận bán hàng, với giá mua chưa thuế là 319.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán. Tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn kinh doanh.

Kế toán tính khấu hao xe nâng hạ mua ngày 07/05/2017 vào chi phí khấu hao cả tháng 5:

$$\begin{array}{l} \text{Khấu hao tháng của} \\ \text{Xe nâng hạ} \end{array} = \frac{319.000.000}{6 \times 12} = 4.430.556 \text{ đồng}$$

Việc tính khấu hao như trên là không đúng theo quy định của pháp luật vì theo quy định: ngày ghi tăng tài sản là ngày bắt đầu tính khấu hao, ngày ghi giảm tài sản là ngày bắt đầu thôi không trích khấu hao.

- *Về công tác ghi chép sổ sách kế toán*: Mọi sổ sách của công ty đều làm thủ công, việc ghi chép trên Excel và theo dõi rất mất thời gian, hơn nữa công tác lưu trữ cũng sẽ gặp không ít khó khăn. Trong khi đó trình độ kế toán trong

công ty lại không đồng đều rất dễ dẫn đến việc sai sót và có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

- *Về bộ máy kế toán:* đội ngũ kế toán toàn những người trẻ nên kinh nghiệm của họ còn hạn chế. Tính chất cần cù, tỉ mỉ trong công việc còn thấp dẫn đến công việc còn trì trệ. Khả năng cập nhật các hệ thống chính sách mới còn chậm. Bên cạnh đó, do quan niệm về công tác kế toán của cán bộ công nhân viên chức nói chung và cán bộ kế toán nhiều khi còn coi nhẹ, không tập trung vào công việc dẫn tới việc xử lý chứng từ không được giải quyết kịp thời.

- *Về công tác luân chuyển chứng từ và bộ máy kế toán:* nhìn chung chứng từ luân chuyển trong công ty còn chậm ảnh hưởng đến tốc độ hạch toán kế toán tại doanh nghiệp, dẫn đến công việc bị dồn vào cuối kỳ. Việc chứng từ luân chuyển chậm.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại VIC.

3.2.1. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty

Để có thể hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Thương mại VIC thì các phương hướng và ý kiến đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của Nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua các công cụ kinh tế vĩ mô, để có thể tồn tại và phát triển thì doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh phải chấp hành đầy đủ các quy định nhà nước ban hành.

- Công tác kế toán cần đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác cho nhà quản lý, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn ứ không cung cấp kịp thời cho nhu cầu quản trị trong nội bộ công ty cũng như những đối tượng quan tâm khác. Đây là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư và các ngân hàng. Những thông tin tốt, sát với thực tế của doanh nghiệp sẽ giúp công ty có được những thành công trong tương lai.

- Việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời là rất quan trọng những cũng không vì thế mà kế toán có thể đưa ra các thông tin thiếu chính xác. Các thông tin như vậy sẽ không thực sự có giá trị trong việc ra quyết định. Do vậy việc hoàn thiện công tác kế toán không chỉ đảm bảo tính kịp thời mà cả tính chính xác của thông tin kế toán.

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ phải hướng tới những tiện ích mà máy tính và phần mềm kế toán máy đem lại để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc, giúp cho doanh nghiệp giảm bớt chi phí và đạt kết quả nhanh chóng hơn

3.2.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại VIC

Nhìn chung, công tác kế toán của Công ty có nhiều ưu điểm và tính phù hợp cao đã đem lại hiệu quả, song vẫn còn tồn tại một số hạn chế làm cho công tác kế toán chưa thực sự hoàn thiện.

Trên cơ sở những thực tế còn tồn tại, em xin có một số ý kiến đóng góp dưới đây nhằm góp phần nhỏ vào việc hoàn thiện về công tác kế toán tài sản cố định ở Công ty TNHH Thương mại VIC.

❖ Ý kiến thứ nhất: Hoàn thiện về cách tính khấu hao tài sản cố định:

Theo quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành chế độ quản lý và trích khấu hao như sau:

TSCĐ sử dụng bắt đầu từ ngày nào thì tính khấu hao tài sản cố định từ ngày đó. Cách tính khấu hao như sau:

$$\text{Mức trích KH năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng}}$$

$$\text{Mức trích KH tháng của TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích KH năm của TSCĐ}}{12 \text{ tháng}}$$

$$\text{Mức trích KH tháng phát sinh của TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích KH tháng của TSCĐ}}{\text{Tổng số ngày của tháng phát sinh}} \times \text{Số ngày sử dụng trong tháng}$$

Số ngày sử dụng trong tháng = Tổng số ngày của tháng phát sinh - Ngày bắt đầu sử dụng + 1
 Kế toán sửa lại như sau:

Ví dụ: Ngày 07/05/2017, Công ty mua 01 xe nâng hạ dùng ở bộ phận bán hàng, với giá mua chưa thuế là 319.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán. Tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn kinh doanh.

Kế toán tính khấu hao xe nâng hạ mua ngày 07/05/2017 vào khấu hao tháng 5:

$$\text{Khấu hao tháng của xe nâng hạ} = \frac{319.000.000}{6 \times 12} = 4.430.556 \text{ đồng}$$

$$\text{Khấu hao của xe nâng hạ tháng 5} = \frac{4.430.556}{31} \times 25 = 3.715.950 \text{ đồng}$$

❖ **Ý kiến thứ hai: Hoàn thiện việc ghi chép sổ sách kế toán:**

Nếu như trước đây khi kế toán viên cộng sổ kế toán sai thì toàn bộ các báo cáo tài chính quản trị có liên quan đều phải được lập lại từ đầu và thời gian tiêu tốn cho việc này có thể mất vài ngày thậm chí tới vài tuần để hoàn thành thì nay với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán, người sử dụng có thể giảm tối đa thời gian lãng phí vào việc chỉnh sửa dữ liệu, sổ sách, báo cáo từ vài ngày xuống còn vài phút. Mặt khác công tác kế toán thủ công đòi hỏi cần nhiều nhân sự làm kế toán trong khi phần mềm kế toán do tự động hóa hoàn toàn các công đoạn tính toán, lưu trữ, tìm kiếm và kết xuất báo cáo nên tiết kiệm được nhân sự và thời gian, chính điều này đã góp phần tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

Cùng với sự phát triển ngày càng cao của khoa học kỹ thuật, xu hướng phát triển nhanh chóng trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là rất cần thiết.

Áp dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán có chi phí đầu vào không cao nhưng hiệu quả mang lại rất lớn. Nó giúp giảm nhẹ rất nhiều khối lượng công việc của kế toán viên, nâng cao độ tin cậy, độ chính xác của các con số trong kế toán.

Em xin giới thiệu một số phần mềm khá bổ biến và uy tín trên thị trường, phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ : Misa, Fast accounting, Bravo,...

Phần mềm quản trị- tài chính- kế toán Bravo



Phiên bản mới của “Phần mềm quản trị tài chính - kế toán BRAVO” là Bravo7. Với nền tảng được thiết kế trên công nghệ hiện đại cho phép phần mềm BRAVO dễ dàng được sửa đổi, thêm bớt chức năng trong từng phân hệ (module) và thêm những phân hệ mới.

BRAVO được xây dựng theo từng phân hệ (module) nhằm mục đích trợ giúp và quản lý các hệ thống quy trình quản lý SXKD của doanh nghiệp trên phần mềm (*Quản lý và hoạch định tài nguyên doanh nghiệp*)

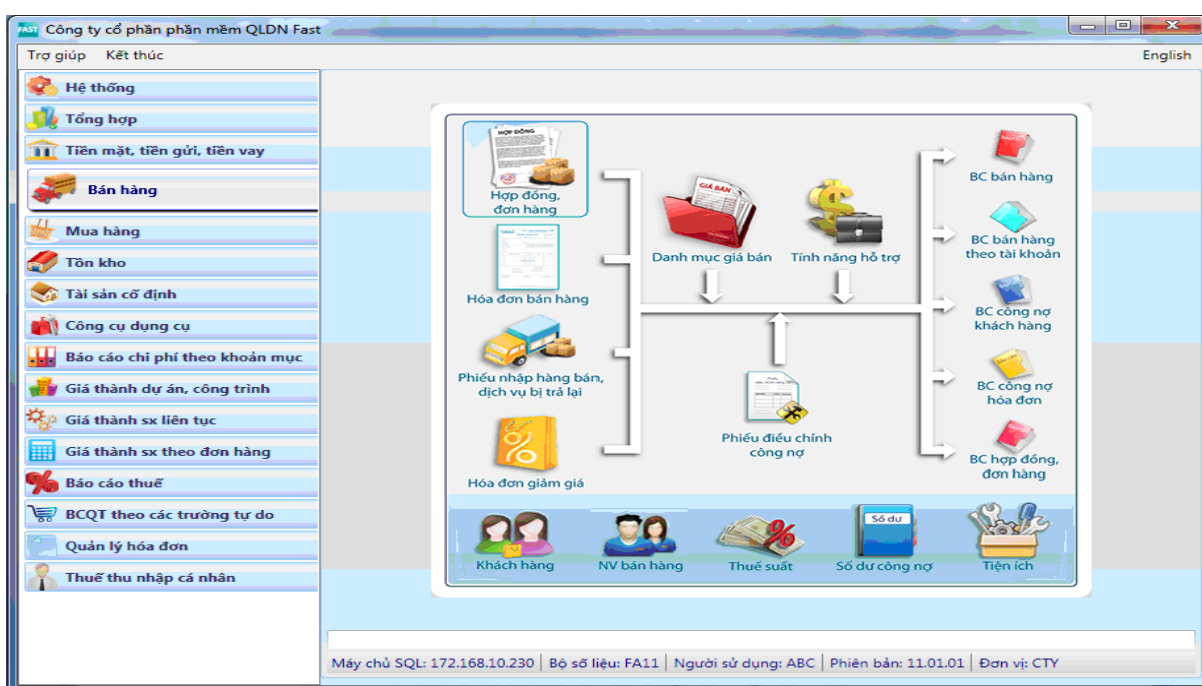
Hệ thống mở, mềm dẻo linh hoạt

Cùng với sự phát triển của doanh nghiệp, các yêu cầu về quản trị sẽ thay đổi dẫn đến sự quá tải đối với các phần mềm có thiết kế đóng. Đồng thời, tính đa dạng và đặc thù của các ngành nghề kinh doanh làm cho vấn đề càng trở nên phức tạp khi không có những phần mềm được tổ chức tốt và thiết kế mở. Phần mềm BRAVO được thiết kế với hệ thống mở, mềm dẻo, linh hoạt để điều chỉnh các tính năng không chỉ phù hợp với yêu cầu hiện tại mà còn sẵn sàng cho sự phát triển trong tương lai của doanh nghiệp cũng như sự biến động về chính sách, chế độ của Nhà nước (*thiết kế hợp với yêu cầu đa dạng của thực tế*). Với nền tảng ứng dụng (*Framework*) được thiết kế trên công nghệ hiện đại cho phép phần mềm BRAVO dễ dàng được sửa đổi, thêm bớt chức năng trong từng phân hệ (*module*) và thêm những phân hệ mới.

Quy trình xử lý trình tự công việc (WorkFlow)

Quy trình làm việc của doanh nghiệp có rất nhiều bộ phận cũng như nhân viên tham gia. Việc phối hợp xử lý công việc cũng như đồng nhất dữ liệu giữa các nhân viên, bộ phận rất phức tạp cần phải quy định trình tự các bước thực hiện sao cho việc nhập, khai thác dữ liệu tránh trùng lặp và sai sót. BRAVO cho phép người sử dụng tự khai báo, định nghĩa quy trình xử lý tuần tự các công việc phù hợp với thực tế doanh nghiệp.

Phần mềm kế toán Fast Accounting

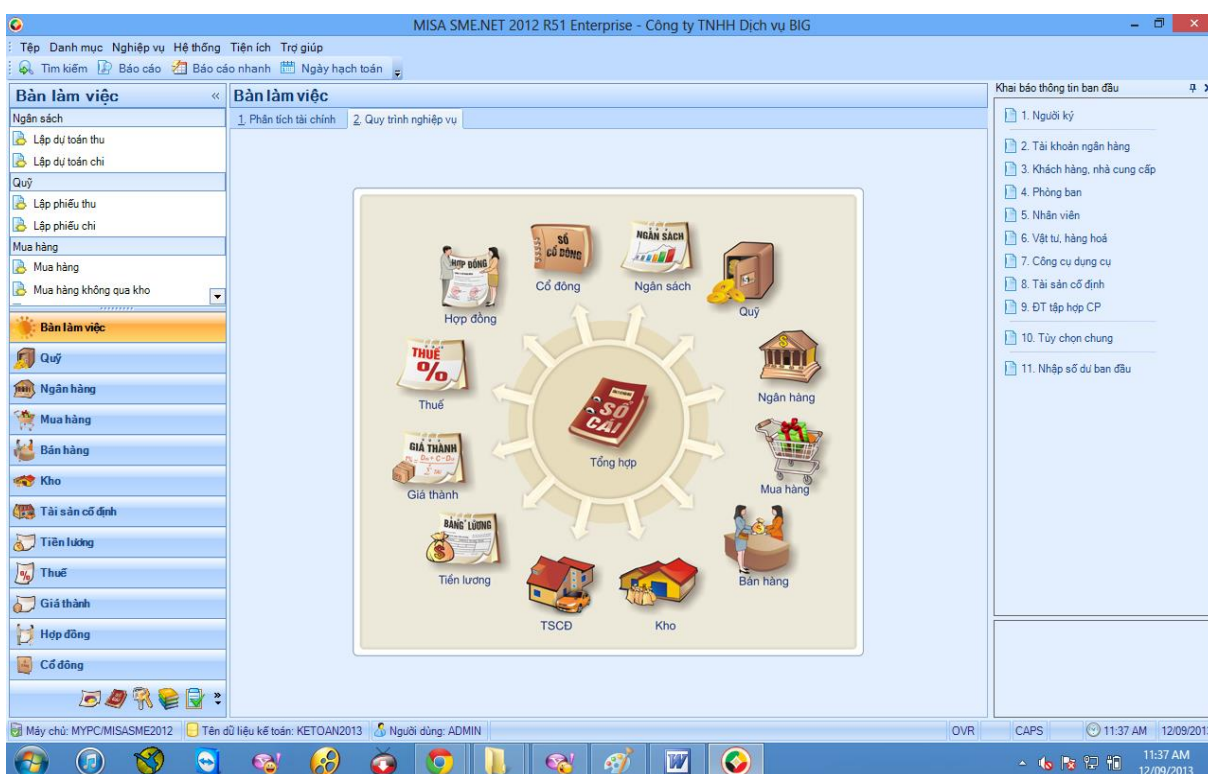


Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 8.500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

Fast Accounting 11 được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting 11 có thể chạy đồng thời dưới dạng ứng dụng windows hoặc ứng dụng web thông qua các trình duyệt phổ biến như Internet Explorer, Fire Fox...

Fast Accounting 11 cho phép chạy trên web-based giúp cho người sử dụng không phải cài đặt phần mềm trên máy tính, chỉ cần truy cập qua địa chỉ trên web, gõ tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Điều này đặc biệt thuận lợi khi làm việc từ xa và khi mở rộng thêm văn phòng, chi nhánh, cửa hàng...

Phần mềm kế toán MISA-SME.NET 2017



Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2017 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2017 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

Tuy nhiên, giống như “tiền nào của đó”, việc áp dụng những phần mềm giá rẻ đặt doanh nghiệp trước những rủi ro như số liệu không chính xác, dễ gặp trục trặc và sự cố trong quá trình sử dụng, tính ổn định giảm, thiếu những phân hệ phù hợp....

❖ Ý kiến thứ ba: Hoàn thiện về bộ máy kế toán:

Để công tác kế toán được thực hiện một cách đúng đắn, chuyên nghiệp và phù hợp với quy định của nhà nước, công ty nên thường xuyên có thêm các hoạt động như: cho phép cán bộ công nhân viên đi tập huấn, học bổ sung, nâng cao

nghị vụ và kinh nghiệm, tổ chức tham gia tích cực các hoạt động của đoàn thanh niên thường, quan tâm đến đời sống cán bộ, nhân viên, ...

❖ ***Ý kiến thứ tư: Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ kế toán:***

Việc luân chuyển chứng từ từ các phòng ban tới phòng kế toán còn chậm gây dồn ứ công việc sang tháng làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên kế toán vất vả trong công việc. Vì vậy để chứng từ được luân chuyển kịp thời và đầy đủ công ty nên có những quy định về ngày luân chuyển chứng từ trong tháng.

Chẳng hạn như doanh nghiệp có thể quy định đến các ngày nhất định trong tháng các phòng, ban phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó một cách cập nhật nhất. Với công nghệ thông tin bây giờ rất hiện đại có thể sử dụng các ứng dụng của mạng internet như email...

Công ty có chế độ, quy định thưởng với những phòng ban luân chuyển chứng từ kịp thời và phê bình, kỷ luật đối với những cá nhân, tập thể không thực hiện đúng quy định để quản lý giờ làm việc, bàn giao công việc hợp lý và trách nhiệm của từng người để tăng hiệu suất làm việc.

KẾT LUẬN

Tài sản cố định là cơ sở vật chất không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh tại mỗi doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế quốc dân nói chung. Kế toán tài sản cố định và phân tích tình hình sử dụng tài sản cố định không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng quản lý, sử dụng tài sản cố định mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong quá trình định hướng đầu tư.

Có thể nói, khóa luận đã nêu được ra các vấn đề cơ bản sau:

Về lý luận, bài viết đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Về thực tiễn, bài viết đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại VIC. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2017).

Về mặt giải pháp, bài viết đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

Do trình độ lý luận và thực tiễn còn hạn chế, thời gian thực tập có hạn, nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của thầy, cô giáo và các anh chị phòng kế toán của Công ty để bài khóa luận của em được phong phú và lý luận sát với thực tiễn ở công ty.

Qua đây, em xin chân thành cảm ơn các anh chị trong Công ty TNHH Thương mại VIC; cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh và đặc biệt là thầy giáo *Ths. Nguyễn Văn Thụ* đã giúp em để em có thể hoàn thiện bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ Tài chính, *Thông tư 200/2014/TT-BTC*
4. Công ty TNHH Thương mại VIC (2017) *Sổ sách kế toán Công ty*.
5. Các tài liệu khác trên internet.